

## MỤC LỤC

Lời giới thiệu	1
Mục lục	2
<b>PHẦN NỘI DUNG</b>	
1. Hệ thống đánh giá độ khó câu hỏi dựa vào người thi	6
2. Hệ hỗ trợ đào tạo theo học chế tín chỉ cho các trường đại học và cao đẳng	10
3. Từ thực trạng mô hình giáo dục từ xa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đề xuất thêm một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo	16
4. Những thách thức về công nghệ của giáo dục đại học trong dạy học trực tuyến	27
5. Chiến lược phát triển đào tạo trực tuyến trong nhà trường	31
6. Dạy học online – Trường học ảo trong thế giới thật	38
7. Ứng dụng E-learning tại khoa Công nghệ thông tin và truyền thông – Trường ĐH Cần Thơ	42
8. Đào tạo qua mạng phát huy tính giao tiếp của người học	55
9. Đào tạo trực tuyến – hướng đi chung của các trường đại học	58
10. Đào tạo trực tuyến – Mảnh đất giàu tiềm năng	63
11. Thực trạng về mô hình đào tạo trực tuyến ở trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	66
12. Bài giảng điện tử - Bàn thêm về hai chữ «trương tác»	70
13. E-learning trong trường học Việt Nam	76
14. ED TOEFL IBT 2.0 – Giải pháp toàn diện cho việc giảng dạy, học tập và luyện thi TOEFL IBT trực tuyến tại khoa Anh – ĐH Sư phạm TP.HCM	88
<b>PHẦN PHỤ LỤC</b>	
15. E-learning và hệ thống quản lý khóa học PHPBB	102
16. Sử dụng hệ thống Moodle phục vụ cho việc quản lý khóa học E-learning	118
17. E-learning sự lựa chọn của thời đại	135
18. Một số vấn đề về đào tạo trực tuyến	138
19. Đào tạo trực tuyến – Một hình thức học tập hữu hiệu trong tương lai	163
20. Giới thiệu chương trình: Training online	169

PHẦN  
NỘI DUNG

# HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ ĐỘ KHÓ CÂU HỎI DỰA VÀO NGƯỜI THI

*ThS. Võ Đình Bảy*

*Viện Nghiên cứu Giáo dục*

**Tóm tắt:** Cùng với sự bùng nổ của công nghệ thông tin và truyền thông, đào tạo trực tuyến đang là một loại hình cần được nhân rộng nhằm tạo cơ hội cho người học có thể tự học, tự nghiên cứu và trau dồi kiến thức. Bên cạnh đó, vấn đề kiểm tra đánh giá cũng phải được quan tâm đúng mức để đánh giá mức độ hoàn thành bài học của học viên. Hiện nay, đã có nhiều trang web hỗ trợ thi trắc nghiệm phục vụ cho các đối tượng khác nhau như học sinh phổ thông, cao đẳng, đại học... Bài viết nhằm giới thiệu một hệ thống hỗ trợ thi trắc nghiệm trực tuyến có quan tâm đến phản hồi của người thi.

## I. **Giới thiệu:**

Thi trắc nghiệm đã không còn xa lạ với hầu hết chúng ta hiện nay. Từ những bài thi trắc nghiệm trong khuôn khổ một môn học, một chủ đề hẹp đến những bài trắc nghiệm với những yêu cầu kiến thức bao quát đã được áp dụng để giúp người học kiểm tra lại kiến thức của mình hay đánh giá khả năng của người học. Gần đây, thi trắc nghiệm đã được áp dụng trong các kì thi cuối cấp, tuyển sinh đại học... cho thấy tầm quan trọng của hình thức thi này.

Vấn đề đặt ra liên quan đến đề thi. Làm thế nào để soạn thảo đề thi phù hợp với khả năng của học sinh, sinh viên nhưng vẫn phân loại được người học? Làm thế nào để có thể tạo ra một ngân hàng đề thi phong phú đa dạng nhưng vẫn “biết” được mức độ khó dễ của từng câu hỏi nhằm tạo ra đề thi phù hợp?

Để giải quyết các câu hỏi này, chúng tôi đã nghiên cứu và đề xuất một hệ thống đánh giá độ khó câu hỏi tự động để từ đó tạo ra ngân hàng đề thi tự động dựa vào độ khó.

## II. Giới thiệu hệ thống:

Hệ thống được xây dựng với một số ràng buộc chặt chẽ như sau:

- **Đối với người ra đề (soạn câu hỏi):** Phải là các giáo viên am hiểu về môn học mà mình phụ trách ra đề. Có thể phân loại được các dạng đề nhằm tạo ra các nhóm đề phù hợp nhằm đánh giá chính xác khả năng của người học. Đây là nhân tố quan trọng nhất trong hệ thống vì nếu việc ra đề không bao quát sẽ dẫn đến bỏ sót một số kiến thức nhất định nào đó làm mất ý nghĩa môn học.
- **Đối với chuyên gia đánh giá:** Phải là những người có kinh nghiệm, am hiểu chuyên môn. Các chuyên gia chủ yếu tham gia vào hệ thống bằng việc nhận xét mức độ phù hợp của câu hỏi, đáp án, kiểm tra tính đúng, tính đủ của môn học nhằm hoàn thiện ngân hàng đề. Ngoài ra, hệ thống còn có một lựa chọn cho dạng câu hỏi được chuyên gia đánh giá về độ khó, đây là độ khó dựa trên yếu tố chủ quan của các chuyên gia.
- **Đối với người thi:** Do hệ thống sẽ đánh giá câu hỏi dựa vào người thi nên đòi hỏi chỉ những đợt thi thực sự (có tính điểm) mới cập nhật kết quả vào hệ thống. Mẫu người thi phải rộng (theo cả số lượng người thi lẫn khu vực thi) để bao quát được đối tượng nhằm đánh giá kết quả chính xác.

Sau đây là một số chức năng của hệ thống.

1. **Chức năng hệ thống:** đây là một chức năng không thể thiếu đối với một Website thi trắc nghiệm trực tuyến. Chức năng này nhằm cấp user account cho GV (ra đề), SV (thi, xem điểm...), chuyên gia (để đánh giá)...
2. **Chức năng soạn câu hỏi:** Chỉ có giáo viên (GV) mới có chức năng này. Các câu hỏi được soạn tương ứng với một môn học cụ thể, GV là người soạn thảo và chịu trách nhiệm về nội dung và đáp án. Có quyền sửa hay xóa các câu hỏi mà mình đã soạn cho đến khi nó thực sự được đưa vào ngân hàng câu hỏi dùng để ra thi.

3. **Chức năng của chuyên gia:** Hệ thống cho phép các chuyên gia được quyền nhận xét, đánh giá mức độ đáp ứng của câu hỏi, đáp án. Việc đánh giá toàn bộ các câu hỏi của một môn học cũng được quan tâm nhằm kiểm tra xem các câu hỏi đã rải đều nội dung môn học hay chưa? Tính đa dạng, phong phú đã đáp ứng chưa? Đưa ra một số nhận xét và thậm chí cũng có thể đề nghị các câu hỏi phù hợp nhằm để đưa vào hệ thống.

4. **Chức năng thi:** Sẽ có hai dạng thi chính.

4.1. **Thi tự do:** Đây là các đối tượng muốn tự kiểm tra kiến thức chuyên môn. Hệ thống có chức năng hỗ trợ họ kiểm tra và sẽ không cập nhật kết quả thi của từng câu hỏi để đánh giá độ khó câu hỏi.

4.2. **Kiểm tra, đánh giá theo lớp/ theo đợt:** Đây là phần quan trọng của hệ thống. Mỗi đợt thi (hay lớp thi) sẽ có một danh sách được đưa vào hệ thống dưới dạng file excel, hệ thống sẽ cấp một danh sách các user name và pass để thí sinh có thể login vào và thực hiện bài thi. Bài thi đã hoàn tất của mỗi thí sinh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc cập nhật lại độ khó cho từng câu hỏi đã được thi. Điểm của thí sinh sẽ được kết xuất ra file excel.

5. **Chức năng cập nhật độ khó câu hỏi:** Mỗi khi thí sinh đã hoàn tất bài thi, hệ thống sẽ dựa vào đó để cập nhật lại độ khó cho từng câu hỏi. Ứng với các câu hỏi đã có đủ mẫu (đây là một ngưỡng được cho trước), hệ thống sẽ tự động đưa vào ngân hàng đề thi phục vụ cho các kì thi quan trọng hơn.

### III. Một số khó khăn khi thực hiện hệ thống:

Đây là một hệ thống mà trung tâm chúng tôi “ước mơ” từ lâu. Tuy nhiên lại vướng phải những khó khăn nhất định.

1. **Về đội ngũ giáo viên ra đề:** Làm thế nào tập hợp được một đội ngũ đủ mạnh để soạn các câu hỏi và đáp án phù hợp, đủ và mang tính thực tiễn? Làm được điều này cần phải có sự phối hợp của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở giáo dục địa phương, ...

2. **Đội ngũ chuyên gia:** Làm thế nào để tập hợp được lực lượng chuyên gia đủ mạnh để giải quyết vấn đề thẩm định câu hỏi và góp ý cho ngân hàng đề?
3. **Người thi:** Đây là vấn đề khó khăn nhất của hệ thống. Để tạo ra ngân hàng đề thi với độ khó khách quan, chúng ta cần phải ra đề và cho thi trên diện rộng (nghĩa là từ Bắc vào Nam) với các đề thi chưa được đánh giá độ khó. Việc tổ chức thi như thế đòi hỏi phải có sự kiểm soát chặt chẽ của những người có trách nhiệm nhằm đánh giá đúng độ khó cho từng câu hỏi. Một vấn đề nữa là số người thi phải đủ lớn để đánh giá tốt mức độ trả lời của người thi đối với câu hỏi. Chính vì vậy, việc tổ chức sẽ rất công phu và tốn kém nhằm tạo ra một ngân hàng có độ tin cậy cao.

#### **IV. Tóm lại:**

Đây là một hệ thống rất thiết thực cho việc hình thành nên các ngân hàng câu hỏi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đặt ra của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Để đi đến thành công vẫn còn một con đường khá xa! Thực tế, nếu không có sự góp sức của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở Giáo dục địa phương, hệ thống sẽ không thể hoạt động đúng theo yêu cầu đặt ra. Vì vậy, chúng tôi mong muốn được sự quan tâm, đôn đốc, góp sức của các cấp lãnh đạo.

Hiện nay, hệ thống đã hoàn thiện xong phần ứng dụng, chúng tôi đang chuyển qua cài đặt trên Web nhằm tạo điều kiện dễ nhất cho các cá nhân liên quan (Giáo viên, Chuyên gia, Thí sinh) tham gia vào hệ thống.

# HỆ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ CHO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG

*ThS. Võ Đình Bảy – Viện Nghiên cứu Giáo dục*

*Lê Xuân Mạnh – SV Trường ĐH Kỹ thuật Công nghệ Tp. HCM*

**Tóm tắt:** Thực hiện theo quyết định của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo về chuyển mô hình đào tạo tại các trường đại học và cao đẳng trong cả nước từ niên chế sang học chế tín chỉ. Với mô hình đào tạo tín chỉ, thời lượng sinh viên lên lớp sẽ giảm lại và thời lượng tự học và nghiên cứu sẽ phải tăng lên. Do đó, cần thiết phải xây dựng hệ thống nhằm tạo một công cụ hiệu quả trong việc điều hành việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Hệ thống ra đời đáp ứng một số tiêu chí: Giúp giáo viên chuyển tải được bài học, bài tập, phân nhóm làm việc...; giúp sinh viên tự học, thảo luận nhóm, thảo luận theo lớp...; giúp giáo viên theo dõi được quá trình trao đổi của sinh viên, đóng góp ý kiến vào các trao đổi và cuối cùng là hỗ trợ giáo viên trong việc chấm điểm tự học của sinh viên.

## **1. Giới thiệu hệ thống hỗ trợ đào tạo theo mô hình đào tạo tín chỉ (bậc đại học/cao đẳng):**

### **1.1. Mô hình chức năng:**

**1.1.1. Quản lý khóa học:** Bao gồm việc quản lý các môn học, tổ chức các lớp học theo từng môn, quản lý sinh viên tham gia các lớp học.

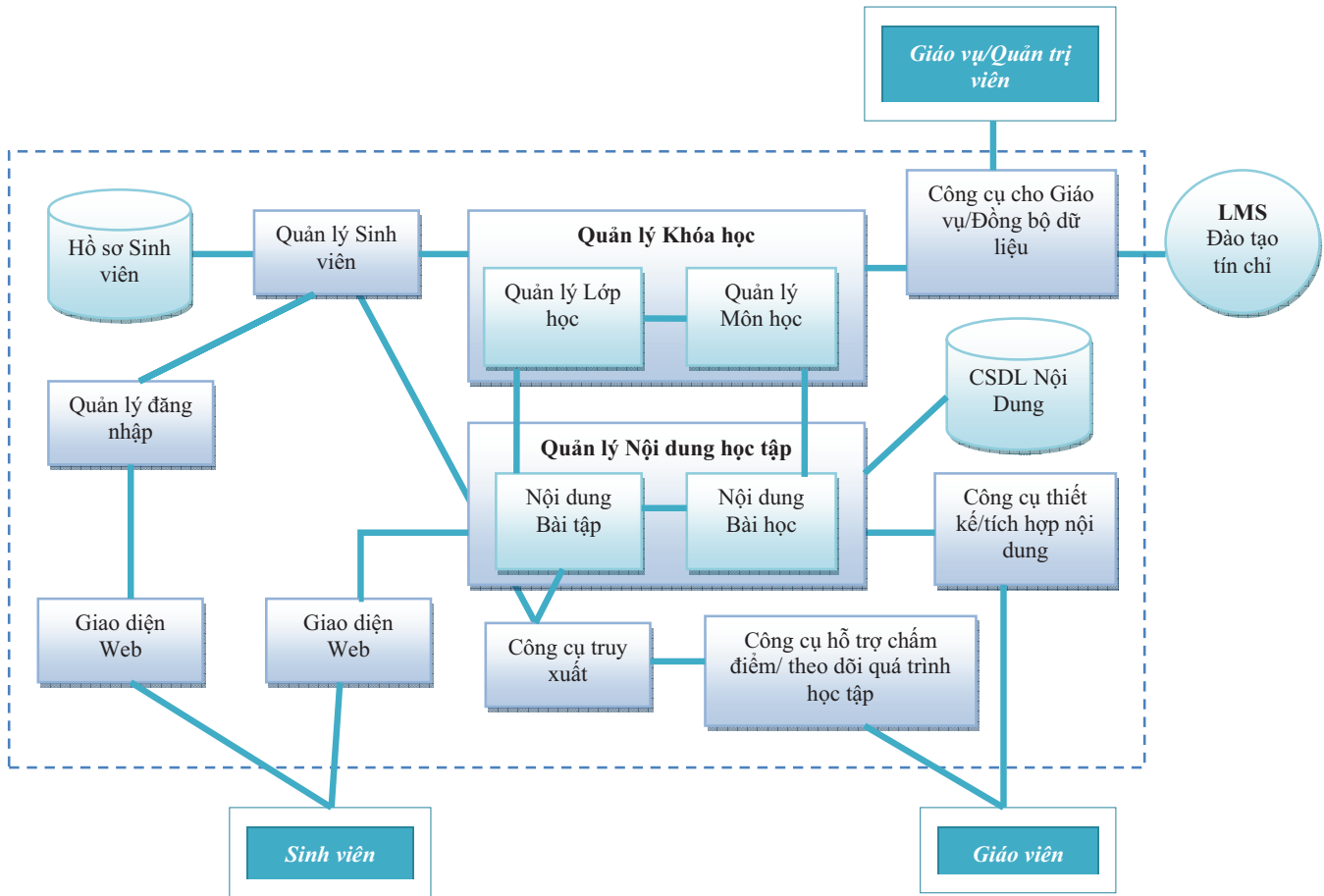
[1]. **Môn học:** Ứng với mỗi ngành đào tạo, giáo vụ (Quản trị viên) sẽ tổ chức các môn học tương ứng với các môn học đào tạo thực tế.

[2]. **Lớp học:** Lớp học ảo tương ứng với lớp học thực tế của mô hình đào tạo tín chỉ. Lớp học phát sinh theo môn học, và chỉ tồn tại trong học kỳ nhất định. Danh sách các sinh viên tham gia lớp học được lấy từ (cập nhật gián tiếp hoặc trực tiếp) danh sách sinh viên đăng ký học thực tế từ CSDL Đào tạo của Trường.

### **1.1.2. Quản lý Nội dung học tập:**

- [1]. **Bài học (giáo trình):** Bao gồm các tài liệu, tài nguyên dùng cho giảng dạy, được giảng viên/giáo viên đưa lên, ứng với từng môn học cụ thể. Các giáo trình này xuyên suốt trong quá trình học tập của tất cả các lớp học của môn học đó. Các giáo trình này có thể thay đổi, cập nhật phiên bản khác nhau theo mỗi niên khóa.
- Công cụ nhập liệu HTML Editor.
  - Import từ Word Documents, PowerPoint Slides.
  - Import/Export từ các LCMS/LMS khác theo chuẩn SCROM, XML, ...
- [2]. **Bài tập:** Bao gồm các bài tập theo bài học, các bài kiểm tra... được đưa ra cho từng lớp học cụ thể và có thể được phân cho các nhóm sinh viên. Việc các sinh viên hoàn thành các bài tập này (dưới dạng các bài nộp) là cơ sở để giảng viên/giáo viên đánh giá kết quả học tập của từng sinh viên.
- Công cụ nhập liệu HTML Editor.
  - Import từ Word Documents, PowerPoint Slides.
- [3]. **Thảo luận:** Là một diễn đàn thu gọn, thảo luận là khu vực thảo luận cho các sinh viên trong mỗi lớp, phục vụ cụ thể cho các sinh viên trong lớp có thể trao đổi, thảo luận về các vấn đề, tạo môi trường học tập tốt hơn. Thảo luận có thể dùng làm cơ sở tham khảo để giáo viên/giảng viên đánh giá thái độ chuyên cần của học viên.





**Hình 1:** Mô hình chức năng Hệ thống E-learning hỗ trợ đào tạo theo mô hình tín chỉ

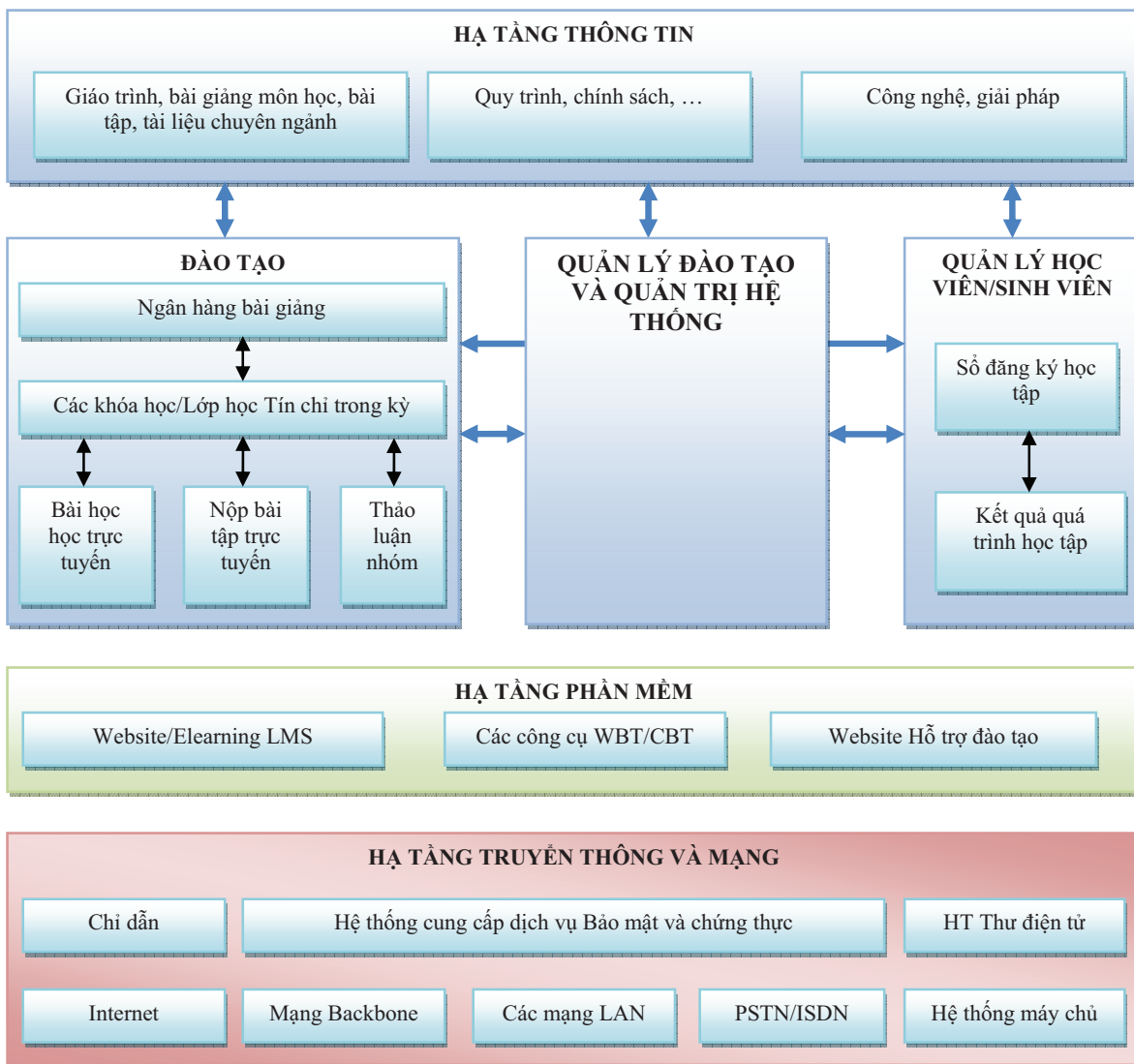
### 1.1.3. Quản lý Sinh viên:

[1]. **Quản lý tài khoản/truy nhập:** Mỗi sinh viên sau khi đăng ký các lớp học (Môn học) thực tế từ các LMS (của Trường, Cơ sở đào tạo), sẽ được cập nhật vào hệ thống (tự động, bán tự động), cho phép sinh viên có thể tham gia vào các khóa học mà mình đã đăng ký (giáo trình/bài học, làm bài tập, tham gia thảo luận).

[2]. **Quản lý quá trình học tập (trực tuyến):**

- Sinh viên có thể tự kiểm tra danh sách các lớp mình đã và đang theo học, kết quả học tập của từng lớp (môn) đã học.
- Giảng viên/Giáo viên có thể kiểm tra quá trình học tập của sinh viên trong lớp mình phụ trách, kiểm tra việc sinh viên nộp bài tập và hỗ trợ chấm điểm.

1.2. **Mô hình hệ thống:** Bao gồm 3 phần chính:



Hình 2: Mô hình Hệ thống hỗ trợ đào tạo.

Trong đó:

1. **Hạ tầng truyền thông và mạng:** Bao gồm các thiết bị đầu cuối cho người dùng (học viên, giáo viên, giáo vụ). Các thiết bị tại các cơ sở cung cấp dịch vụ, mạng, truyền thông, hệ thống máy chủ website (Webserver), bản quyền phần mềm...
2. **Hạ tầng phần mềm:**
  - i. Website, LMS của Trường, Cơ sở đào tạo dùng cho việc quản lý đào tạo theo hình thức tín chỉ trực tuyến hoặc phi trực tuyến.

ii. Các công cụ hỗ trợ soạn thảo, thiết kế bài giảng, bài học, bài tập, tài liệu...

iii. Website hỗ trợ đào tạo.

3. **Hạ tầng thông tin:** Là phần quan trọng nhất, bao gồm:

i. Các khóa học/Lớp học: Là các lớp học theo môn học phát sinh trong kỳ. Tên lớp học, danh sách học viên/sinh viên tham dự, giảng viên phụ trách được cập nhật/đồng bộ từ CSDL của LMS quản lý đào tạo tín chỉ của Trường.

ii. Nội dung đào tạo, nội dung bài học, tài liệu chuyên ngành: Được thiết kế cho từng môn học, được tổ chức lưu trữ và cập nhật các phiên bản theo từng năm học (khóa học).

iii. Nội dung bài tập: Do giáo viên phụ trách tự đưa ra hoặc đi kèm theo giáo trình giảng dạy.

iv. Nội dung thảo luận, tài liệu, download... là các tính năng hỗ trợ, mở rộng của hệ thống.

1.3. **Thực tế thực hiện:** Các chức năng chính

1.3.1. Đã thực hiện:

[1]. Quản lý Khóa học (Môn học):

- Tổ chức, cập nhật các môn học theo từng chuyên ngành cụ thể.
- Ứng với mỗi môn học và năm học sẽ tổ chức các giáo trình, bài học.
- Import bài giảng từ tập tin Word.

[2]. Các lớp học:

- Tổ chức, cập nhật danh sách các Lớp học trong từng môn và sắp xếp theo năm học.
- Cập nhật danh sách các sinh viên đăng ký tham dự.

[3]. Quản lý nhóm sinh viên theo lớp.

[4]. Quản lý, tạo và phân công bài tập cho nhóm.

[5]. Quản lý các mục thảo luận theo từng lớp.

[6]. Quản lý hồ sơ sinh viên

1.3.2. Đang thực hiện:

- [1]. Cập nhật/đồng bộ danh sách sinh viên từ CSDL khác (Excel, XML, ...): Chức năng cập nhật danh sách sinh viên đăng ký tham dự các lớp từ Website/Phần mềm LMS đăng ký học theo tín chỉ của Trường được xuất ra dưới dạng file Excel hoặc XML.
- [2]. Phần hỗ trợ chấm điểm: là phần thống kê các hoạt động của sinh viên trên website, bao gồm việc nộp bài tập, tham gia thảo luận... làm cơ sở cho giáo viên đánh giá, chấm điểm và theo dõi quá trình học tập của sinh viên.

1.3.3. Sẽ thực hiện:

- [1]. Hỗ trợ thiết kế bài giảng, bài học theo chuẩn SCORM, import từ PowerPoint slides.
- [2]. Cập nhật các phiên bản mới cho các giáo trình, bài giảng và chương trình học theo năm.
- [3]. Sổ đăng ký học tập của sinh viên
- [4]. Gợi ý chấm điểm dựa trên nội dung bài viết (text)
- [5]. Cố vấn học tập
  - Các câu hỏi thường gặp (faqs)
  - Tư vấn chọn môn học tự chọn.
  - Tư vấn chọn các môn học trong 1 kỳ.

# TỪ THỰC TRẠNG MÔ HÌNH GIÁO DỤC TỪ XA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI ĐỀ XUẤT THÊM MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO.

*ThS. Trương Quang Dũng  
Sở GD&ĐT Quảng Ngãi*

## I. Mở đầu:

Xã hội càng phát triển, nhu cầu học tập của nhân dân ngày càng lớn, hệ thống trường lớp tuy đã được đầu tư, phát triển vượt bậc cả về số lượng và chất lượng song cũng không thể đáp ứng được nhu cầu học tập đa dạng của người học. Trước thực trạng đó, Đảng ta nêu ra định hướng: “Đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng những hình thức giáo dục chính quy và không chính quy, thực hiện giáo dục cho mọi người, cả nước trở thành một xã hội học tập”. [1]

Từ định hướng trên, Ngành Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2010, trong đó có nhấn mạnh: “Phát triển giáo dục không chính quy như là một hình thức huy động tiềm năng của cộng đồng để xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội cho mọi người ở mọi trình độ, mọi lứa tuổi, mọi nơi có thể học tập suốt đời, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của mỗi cá nhân, góp phần nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực”. [2]

Trong hệ thống giáo dục không chính quy, Giáo dục từ xa (GDTX) là một trong những mô hình giáo dục có nhiều ưu điểm vượt trội, được nhiều nước trên thế giới áp dụng từ những năm cuối thế kỷ XIX. Ở Việt Nam, mô hình Giáo dục từ xa được hình thành từ thập kỷ 60 và phát triển mạnh mẽ từ năm 1994 đến nay. Theo thống kê, đã có trên 50.000 học viên tốt nghiệp đại học hệ giáo dục từ xa và hiện có khoảng 150.000 người đang theo học các chương trình theo hình thức giáo dục từ xa ở trình độ đại học, trong đó, khối ngành sư phạm chiếm gần 50% còn lại là các ngành khoa học khác. [4]

Giáo dục từ xa (Distance Education), đào tạo mở (Open learning), thuộc phương thức giáo dục không chính qui trong hệ thống giáo dục quốc dân. Là một

hình thức giáo dục trong đó giảng viên và học viên không “gần gũi” về mặt địa lý, do đó, họ phải thông qua các hình thức giao tiếp từ xa để thực hiện quá trình dạy và học. Người học theo hình thức GDTX chủ yếu là tự học qua học liệu như giáo trình, băng hình, băng đĩa, phần mềm vi tính, các phương tiện nghe nhìn cá nhân, phát thanh, truyền hình, các tổ hợp truyền thông đa phương tiện, mạng Internet dưới sự tổ chức, trợ giúp của nhà trường. GDTX lấy tự học là chính, đòi hỏi người học phải tự giác, kiên trì và quyết tâm cao để hoàn thành chương trình học tập của mình.

Mục tiêu của đào tạo từ xa là “đưa giáo dục đến với mọi người, thay vì mỗi người tự tìm đến giáo dục” (Jones, G.R.,1996). Giáo dục từ xa góp phần thực hiện bình đẳng trong giáo dục; tạo cơ hội cho nhiều người được học, học suốt đời. GDTX có thể vươn tới những nơi mà giáo dục truyền thống chưa vươn tới được do điều kiện địa lý, đối tượng học tập, cách thức phục vụ... Học viên ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa đều có thể theo học đại học qua các phương tiện truyền tải thông tin. Thế mạnh này có ý nghĩa rất lớn trong việc thực hiện chính sách dân tộc, công bằng xã hội về cơ hội học tập và tạo ra sự phát triển đồng đều giữa các vùng miền khác nhau của đất nước.

Theo phương thức đào tạo này, học viên không nhất thiết phải đến trường nên không phải chi phí cho việc ăn ở, đi lại; tận dụng được nhiều kênh thông tin để tiếp thu kiến thức. Nhà trường giảm bớt được phần chi phí xây dựng cơ sở vật chất, giảm được đội ngũ cán bộ, nhân viên và cán bộ giảng dạy mà vẫn phục vụ được số đông người học, do đó chi phí đào tạo giảm được đáng kể cho cả người học và nhà trường.

GDTX góp phần quan trọng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa quy mô và chất lượng trong GD&ĐT, bổ trợ hữu hiệu cho giáo dục truyền thống. Học liệu sử dụng cho các chương trình giáo dục từ xa, đặc biệt là các chương trình có tính cập nhật trên mạng vi tính, có tác dụng tham khảo, tự học, cập nhật tri thức và mở mang kiến thức cho các học viên đang học theo các chương trình truyền thống.

GDTX là một tư duy mới của thời đại, mở ra một tầm cao mới có vai trò như một công cụ tạo dựng xã hội học tập hiện đại.

## **II. Vài nét về tình hình phát triển Giáo dục từ xa của tỉnh Quảng Ngãi:**

### **1. Nhu cầu:**

Tỉnh Quảng Ngãi hiện có trên 1,3 triệu dân, hàng năm có trên 20.000 học sinh thi vào các trường đại học, cao đẳng, trong số đó có trên 50% học sinh không có điều kiện để theo học hệ chính quy. Bên cạnh đó còn có trên 60 cán bộ, giáo viên các cấp cần được chuẩn hóa, trên 3.000 cán bộ, giáo viên bậc tiểu học, trung học cơ sở có nhu cầu học tập để nâng cao trình độ. Ngoài ra, còn có hàng nghìn cán bộ công nhân viên thuộc các ngành, nghề khác và đông đảo các tầng lớp nhân dân cũng có nhu cầu được học tập song hệ thống trường đại học, cao đẳng đóng trên địa bàn tỉnh không đáp ứng được yêu cầu học tập đa dạng của mọi đối tượng, mặt khác, điều kiện để theo học các lớp tập trung còn gặp rất nhiều khó khăn. Do đó, thực tế nhu cầu được học tập theo phương thức giáo dục từ xa của tỉnh là rất lớn[4].

### **2. Tình hình phát triển:**

Được sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quảng Ngãi là một trong những địa phương sớm triển khai phương thức đào tạo từ xa thông qua sự cộng tác, phối hợp với các trung tâm có chức năng đào tạo từ xa trong toàn quốc theo hình thức: Trung tâm đào tạo từ xa thuộc các viện, trường đại học chịu trách nhiệm về nội dung, chương trình, chất lượng và tiến độ đào tạo theo khung chương trình đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt; tổ chức đào tạo và quản lý học viên theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cử giảng viên hướng dẫn môn học, cung cấp lịch học, lịch thi và học liệu cho học viên theo kế hoạch; tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổ chức thi và cấp bằng tốt nghiệp cho học viên. Các đơn vị, trường học được đặt trạm đào tạo từ xa chịu trách nhiệm đảm bảo các thủ tục pháp lý liên quan đến việc mở các lớp học hệ từ xa; đảm bảo cơ sở vật chất, nhân sự phục vụ công tác quản lý học viên tại đơn vị, phối hợp tổ chức coi thi và triển khai tác nghiệp các hoạt động đào tạo như tuyển sinh, tổ chức học, thi, khai giảng, phát bằng tốt nghiệp...

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 3 đơn vị liên kết đào tạo từ xa hệ đại học, đó là Trung tâm Đào tạo từ xa thuộc Đại học Huế, Viện Đại học Mở Hà Nội và Trung tâm Đào tạo thường xuyên - Đại học Đà Nẵng.

Trung tâm Đào tạo từ xa thuộc Đại học Huế là đơn vị có “thâm niên” cao nhất trong việc đào tạo từ xa tại tỉnh Quảng Ngãi. Từ năm 1992 đến nay, Trung tâm Đào tạo từ xa thuộc Đại học Huế đã liên kết với Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi mở nhiều khóa đào tạo từ xa và đã có gần 5.000 học viên theo học các ngành sư phạm Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục chính trị, Địa lý, Tiếng Anh, Toán học, Vật lý, Hoá học, Sinh học, Giáo dục tiểu học, Sư phạm mẫu giáo và ngành Luật học.

Viện Đại học Mở Hà Nội liên kết với Trường Cao đẳng Tài chính - Kế toán III mở các lớp đào tạo từ xa hệ đại học các ngành Quản trị kinh doanh, Kế toán, Luật kinh tế từ năm 1995 đến nay có gần 1.000 học viên đã và đang theo học.

Trung tâm Đào tạo Thường xuyên - Đại học Đà Nẵng liên kết với Trường Cao đẳng Cộng đồng Quảng Ngãi, nay là Trường Đại học Phạm Văn Đồng mở các lớp đào tạo từ xa hệ đại học các ngành Quản trị - Kinh doanh, Xây dựng cầu đường, Kinh tế phát triển, Kế toán, Tài chính – Ngân hàng từ năm 2001, đến nay có hơn 1500 học viên đã và đang theo học.

Điều đã khẳng định là mô hình giáo dục không chính quy, trong đó có giáo dục từ xa đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực cho địa phương.

Trong quá trình học tập, đa số học viên đã xác định được tinh thần, thái độ và động cơ học tập nên đã đạt được những kết quả khá cao. Nhiều học viên đã chủ động xây dựng kế hoạch học tập, biết tự nghiên cứu, khai thác tư liệu để hoàn thành kiến thức theo yêu cầu quy định của chương trình. Không ít học viên sau khi tốt nghiệp đã đáp ứng được yêu cầu chuyên môn trong lĩnh vực công tác.

Đối với các trung tâm đào tạo từ xa, việc tổ chức đào tạo các ngành, nghề như hiện nay là phù hợp với nhu cầu của địa phương và điều kiện của người học. Công tác quản lý đào tạo tương đối chặt chẽ, việc cung cấp các loại học liệu và phương



tiện sử dụng trong từng khoá đào tạo tương đối đầy đủ, việc tổ chức ôn tập và giải đáp những vấn đề mà học viên quan tâm tương đối kịp thời; đề thi hết học phần, thi tốt nghiệp được ra theo hệ thống đề mở, cho phép học viên có thể sử dụng tài liệu tham khảo; tổ chức thi tập trung theo đúng quy trình quy định.

Hàng năm, các Trung tâm Đào tạo từ xa có tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình, lịch trình đào tạo của tất cả các ngành; từng bước biên soạn chương trình theo hướng tương xứng với chương trình mới của hệ chính quy, điều chỉnh cơ cấu các môn thi tốt nghiệp của một số ngành Sư phạm theo hướng tăng cường kiến thức và phương pháp giảng dạy, mở thêm các ngành đào tạo mới và mở rộng địa bàn đào tạo trong cả nước.

Tuy vậy, vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục, đó là theo phương thức đào tạo từ xa thì học viên phải tự nghiên cứu tài liệu trước ở nhà, còn các đợt tập trung chỉ để hướng dẫn thêm và giải đáp thắc mắc của học viên; song trong thực tế có không ít học viên chưa xác định đúng động cơ học tập, chưa nhận thức đầy đủ phương pháp học nên thụ động trong việc nghiên cứu, tìm hiểu tư liệu, giáo trình trước các đợt tập trung cũng cố kiến thức và giải đáp thắc mắc. Thậm chí, có một số học viên đến cận ngày tập trung mới nhận giáo trình nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp thu bài khi giáo viên hướng dẫn, hoặc không biết gì để hỏi vì chưa tự học trước ngày tập trung. Do đó, trong một vài ngày ôn tập, học viên thu nhận kiến thức không được bao nhiêu. Số học viên đến dự ôn tập, giải đáp thắc mắc thường cũng không vượt trên mức 60%, số học viên bỏ học hàng năm tương đối nhiều.

Một thực trạng nữa là hiện nay vẫn còn không ít học viên chưa có hoặc chưa biết sử dụng máy vi tính, mạng Internet, đây là một thực tế vô cùng khó khăn trong quá trình học tập.

Đối với các Trung tâm đào tạo từ xa, thì hình thức đào tạo vẫn chưa thực sự phong phú, nhất là về công nghệ đào tạo - một trong những yếu tố quan trọng nhất đối với loại hình này. Cho đến nay, về cơ bản, học liệu của giáo dục từ xa vẫn chủ yếu là tài liệu in kết hợp sử dụng các kênh băng tiếng, băng hình còn việc đào tạo

thông qua phát thanh, truyền hình, phần mềm vi tính và đào tạo trực tuyến qua mạng Internet thì vẫn còn hạn chế.

Theo đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì hiện nay đang có tình trạng một số trường chạy theo số lượng, chạy theo thành tích, phát triển qui mô quá nhanh so với khả năng đảm bảo chất lượng đào tạo, so với các điều kiện về đội ngũ giảng viên và trợ giảng, phương tiện, thiết bị, học liệu. Việc tổ chức, quản lí, thi, kiểm tra, đánh giá phổ biến vẫn là hình thức tự luận và tổ chức tại địa phương nên chưa bảo đảm tính nghiêm túc, khách quan, chưa có sự sàng lọc mạnh trong quá trình đào tạo, hiện tượng học tập, thi cử đối phó, quay cóp còn khá phổ biến nhưng tỷ lệ tốt của nhiều khoá lại quá cao (thường đạt khoảng từ 70 đến 80%)[4].

Từ thực tiễn dạy học và thi cử còn nhiều bất cập dẫn đến tình trạng nhiều người còn hoài nghi về chất lượng GDTX, cho rằng GDTX chưa sánh được với giáo dục chính quy, chưa thể cấp cùng văn bằng, chứng chỉ với giáo dục chính quy được vì những lý do như chất lượng đầu vào, điều kiện học tập, quy trình kiểm tra, đánh giá. Song theo quy định, chương trình GDTX cấp văn bằng có khối lượng, nội dung và cấu trúc kiến thức tương đương với chương trình chính quy cùng ngành học, cấp học. Văn bằng, chứng chỉ (VBCC) của hình thức giáo dục từ xa do các cơ sở giáo dục có thẩm quyền cấp là VBCC thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, được Nhà nước đảm bảo về tính pháp lý và giá trị sử dụng như VBCC của các loại hình giáo dục khác[3].

Tuy còn một số nhược điểm song những gì đã đạt được trong công tác giáo dục từ xa thời gian qua đã giúp cho ngành giáo dục và đào tạo nói chung, ngành GD&ĐT Quảng Ngãi nói riêng có được những kinh nghiệm bước đầu trong quá trình chỉ đạo, tổ chức và tiến hành giáo dục từ xa. Thực tiễn cho thấy nếu có sự đầu tư đúng mức từ nhiều phương diện, sự nhận thức đúng đắn từ phía người học, người dạy, sự đổi mới về nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy và điều hành thì hiệu quả của giáo dục từ xa sẽ không thua kém so với giáo dục chính quy.

**III. Đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo Giáo dục từ xa:**

## **1. Nâng cao nhận thức và hình thành kỹ năng tự học cho học viên:**

Giáo dục từ xa thực chất là một quá trình hướng dẫn học viên tự học, tự nghiên cứu để hoàn thiện vốn tri thức theo yêu cầu của một khung chương trình nhất định. Do đó, kết quả học tập của học viên từ xa không chỉ do thầy giỏi, tài liệu học tập tốt, các phương tiện dạy học tốt mà còn phụ thuộc rất lớn vào tinh thần và khả năng tự học, tự nghiên cứu của học viên. Vì vậy, cần làm cho học viên nhận thức rõ ý nghĩa, vai trò của tự học, hình thành động cơ học tập đúng đắn, tạo ra tính tự giác, tích cực, ý chí quyết tâm vượt khó trong quá trình học tập.

Phương pháp và kỹ năng tự học là một trong những nhân tố quan trọng đem lại hiệu quả cho quá trình học tập, do đó trong đầu mỗi khóa học cần hình thành cho học viên những kỹ năng tự học. Kỹ năng tự học bao gồm việc xác định mục tiêu, nội dung và trình tự công việc cần làm; biết cách phân phối, sắp xếp thời gian cho từng công việc một cách hợp lý, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của bản thân; biết cách đọc, nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, biết cách ghi chép, hệ thống hoá, khái quát hoá, biết tự đánh giá kết quả tự học và biết khai thác các phương tiện hiện có để tự học có hiệu quả.

Học từ xa bắt buộc người học phải hoạt động độc lập và nghiên cứu nhiều tài liệu, ý thức học tập phụ thuộc hoàn toàn vào tính tự giác, người học không chịu sự quản lý trực tiếp hay bị ép vào khuôn khổ theo cách thông thường. Do đó, việc hướng dẫn phương pháp, hình thành kỹ năng học tập cho học viên là điều vô cùng cần thiết.

## **2. Tăng cường các phương tiện, thiết bị phục vụ công nghệ đào tạo từ xa:**

Tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống học liệu đa dạng, phong phú, có chất lượng, mở rộng mô hình đào tạo qua mạng. Trước mắt tập trung đầu tư cho các trung tâm dữ liệu, thiết lập các Website liên quan, biên soạn giáo trình điện tử, phần mềm dạy học trực tuyến, phần mềm kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập theo hình thức trắc nghiệm. Trong quá trình đào tạo cần trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản

về vi tính và hướng dẫn cách khai thác các nguồn tài nguyên tư liệu trên mạng Internet để học viên nghiên cứu, học tập.

Xây dựng và mở rộng tính năng của thư viện điện tử. Faulhabbel (1996) đã khẳng định: “Đào tạo từ xa không thể thực hiện được nếu không có thư viện sách”. Thư viện sách là hình thức số hoá của thư viện truyền thống bao gồm cả tài liệu số hoá và tài liệu truyền thống cũng như tài liệu ở dạng truyền thống đa phương tiện. Vì thế kho tài liệu của thư viện sách bao gồm tất cả các loại tài liệu điện tử và các loại ấn phẩm. Các tài liệu số hoá của thư viện sách tồn tại ngoài những giới hạn về vật lý và quản lý của một thư viện truyền thống. Thư viện sách bao gồm cả quá trình thu thập thông tin và cung cấp dịch vụ, vốn là xương sống và hệ thống thần kinh của các thư viện. [4]

Với tính năng vượt trội so với thư viện truyền thống, thư viện sách cho phép trong cùng một thời điểm có thể có nhiều người cùng truy cập một tài liệu từ bất cứ nơi đâu. Do đó, học viên có thể tìm những tài liệu phù hợp cho khoá học của mình một cách nhanh chóng, thuận lợi, hiệu quả mà không phải tốn nhiều thời gian và công sức để vào các thư viện truyền thống như trước đây.

Thư viện sách phục vụ như những công cụ thông minh để cung cấp phương thức xây dựng kiến thức, hỗ trợ quá trình học tập, nghiên cứu và chuyển giao những sản phẩm tri thức vượt qua sự giới hạn của không gian và thời gian không chỉ cho học viên hệ ĐTTX mà còn cho cả cộng đồng người dùng thư viện nói chung.

### **3. Xây dựng một chương trình đào tạo chuẩn:**

Để đảm bảo các học phần bắt buộc có nội dung, khối lượng và cấu trúc kiến thức giống như các học phần, tín chỉ bắt buộc của hệ chính quy, cần xây dựng một chương trình đào tạo chuẩn trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để các trung tâm đào tạo từ xa có cùng loại hình đào tạo thống nhất thực hiện. Đối với mỗi học phần của từng chuyên ngành đào tạo, phải xây dựng cho được một giáo trình có nội dung hiện đại, những tài liệu tham khảo bắt buộc kèm theo, có bài giảng mẫu của những giáo viên tốt nhất, có các câu hỏi kiểm tra kiến

thức cơ bản và đáp án, tạo điều kiện tối đa để người học được thực hành và đối thoại với giảng viên.

Mở rộng hơn nữa các học phần tự chọn, tạo điều kiện thuận lợi cho học viên nghiên cứu, tự học và phát huy sở trường của mình trong lĩnh vực chuyên môn.

#### **4. Đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên:**

Trong điều kiện hiện nay, với sự phát triển vượt bậc của khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, cho phép chúng ta có thể dễ dàng đổi mới cách thức ra đề kiểm tra, hình thức kiểm tra, đánh giá đối với học viên theo hướng tổ chức thi theo hình trắc nghiệm đối với một số môn khoa học mà giáo dục chính quy đã thực hiện, thiết kế những phần mềm kiểm tra theo hình thức trực tuyến tập trung nhằm tăng cường tính chính xác, khách quan của việc đánh giá kết quả tự học của học viên. Đối với các môn chưa áp dụng được hình thức ra đề trắc nghiệm thì ra đề theo hướng mở với nhiều chủ đề và yêu cầu học viên chọn đề tài để nghiên cứu và hoàn thiện theo hình thức bài thu hoạch, bài tiểu luận, khóa luận hoặc niên luận gửi trực tiếp về trung tâm đào tạo để trung tâm đào tạo chọn, phân người chấm, lên điểm theo quy định. Cần hạn chế việc ra đề tự luận theo kiểu truyền thống để tránh hiện tượng học thuộc lòng mà không hiểu nội dung bài học, sao chép, gian lận trong thi cử. Với cách kiểm tra này chắc chắn học viên phải nỗ lực trong việc tự nghiên cứu, tự học, đáp ứng được yêu cầu và mục tiêu của giáo dục từ xa.

#### **5. Xây dựng hành lang pháp lí, cơ chế, chính sách, tăng cường đội ngũ và cải tiến công tác quản lí:**

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, ban hành hệ thống văn bản quy định chặt chẽ hơn quy trình đào tạo, kiểm tra, đánh giá đối với giáo dục từ xa.

Xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện học tập của học viên và thu hút đội ngũ cán bộ, giáo viên, giảng viên giỏi, các nhà khoa học, các chuyên gia có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao để nghiên cứu, xây dựng biên soạn chương

trình, giáo trình, tài liệu, phục vụ cho công tác đào tạo, đặc biệt là giáo trình, tài liệu dành cho tự học nhằm đảm bảo cho sự phát triển của hệ thống giáo dục từ xa.

Đối với công tác quản lý cần đi sâu vào thực chất, phải tổ chức kiểm tra thường xuyên và định kỳ để nắm bắt thông tin hai chiều, liên tục giữa cơ quan quản lý và học viên nhằm kịp thời khắc phục những hạn chế và bổ sung, cập nhật những tri thức và phương pháp hiện đại đáp ứng yêu cầu học tập ngày càng cao của học viên.

#### **IV. Kết luận:**

Nước ta đã và đang chịu sự tác động mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hoá, nhu cầu học tập của nhân dân là rất lớn. Thực tế đó đòi hỏi ngành giáo dục phải không ngừng mở rộng các loại hình đào tạo, trong đó đào tạo từ xa được xem như là một loại hình có nhiều ưu điểm nhất. Nhiều học giả trên thế giới đã nhận định rằng nếu như thời kỳ phong kiến do quyền lực và đất đai ngự trị, thời đại công nghiệp bị vật chất và tư bản chi phối, thì thế kỷ XXI sự quyết định tối cao thuộc về kinh tế tri thức. Nền kinh tế đó, lấy giáo dục – đào tạo làm đòn bẩy, trong đó GDTX phải được ưu tiên hàng đầu, vì nó tạo ra được những đột phá mới nhờ có tiến bộ của công nghệ thông tin hiện đại. Hơn nữa, giáo dục thế kỷ XXI phải đến với mọi người, mọi nhà, để mọi người dân được vươn lên trong cuộc sống, lao động và sáng tạo. [4]

Loại hình giáo dục này sẽ tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội học tập cho nhiều đối tượng, đặc biệt là đối với những người đang làm việc, họ vừa công tác, vừa có thể tham gia học tập để nâng cao trình độ. Đối với những học sinh vừa tốt nghiệp trung học phổ thông, không có điều kiện theo học các lớp chính quy tại trường hoặc các sinh viên muốn tham gia học tập một lúc nhiều trường đại học thì vẫn đảm bảo tiếp thu kiến thức như các lớp chính quy. Xét trên góc độ xã hội thì đây là một phương pháp giúp mọi người, mọi đối tượng xã hội có thể tham gia học tập, học tập thường xuyên và học tập suốt đời.

Trong điều kiện hiện nay của nước ta, việc phát triển hình thức đào tạo này có thể coi là một trong những biện pháp để thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 2 về giáo dục và đào tạo đồng thời thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo về

việc đa dạng hoá, xã hội hoá giáo dục đem lại hiệu quả to lớn cả về kinh tế và xã hội.

Trong tương lai, hình thức đào tạo này cần được phát triển mạnh mẽ, vì nó là tiền đề cho việc phát triển một xã hội học tập, đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế tri thức - một xu thế phát triển của kinh tế thế giới trong thế kỷ 21.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX. NXB Chính trị quốc gia, H 2001.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chiến lược phát triển GD 2001 – 2010. NXB Giáo dục, H 2002.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế về tổ chức đào tạo, thi kiểm tra, cấp chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp theo hình thức giáo dục từ xa. Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2003/QĐ BDG&ĐT ngày 08/8/2003 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
4. Tư liệu của Trung tâm Đào tạo từ xa Sở GD&ĐT Quảng Ngãi; Trung tâm Đào tạo từ xa Trường đại học Phạm Văn Đồng, Quảng Ngãi; Trung tâm đào tạo từ xa Trường Cao đẳng Tài chính - Kế toán III, Quảng Ngãi và một số thông tin truy cập từ mạng Internet, từ các Tạp chí Giáo dục số 82/4/2004, 99/10/2004, 104/12/2004.

# NHỮNG THÁCH THỨC VỀ CÔNG NGHỆ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG DẠY HỌC TRỰC TUYẾN

*ThS. Lê Tấn Huỳnh Cẩm Giang  
Viện Nghiên cứu Giáo dục*

**Tóm tắt:** Tác giả bài viết đồng quan điểm cho rằng dạy học trực tuyến sẽ đóng vai trò là một hình thức chuyển tải hiện đại trong giáo dục đại học, và việc trực tuyến hoá các tài nguyên học tập và phương pháp giảng dạy là các chiến lược sẽ đóng vai trò quan trọng góp phần để kéo giảm áp lực đại chúng hoá giáo dục đại học. Bài viết phân tích các thách thức mà giáo dục đại học đang và sẽ phải đối mặt trong vấn đề đầu tư đúng đắn cho công nghệ để phục vụ cho mục tiêu và chiến lược phát triển giáo dục đại học.

Internet và Word Wide Web đã tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội. Trong tương lai, dạy học trực tuyến sẽ đóng vai trò là một hình thức chuyển tải hiện đại trong giáo dục đại học, đây là một xu hướng không thể đảo ngược. Trong tình thế đó, giáo dục đại học đang phải đối mặt với nhiều thách thức về công nghệ.

## **1. Vấn đề đầu tư cho công nghệ để xây dựng hệ thống thông tin trong giáo dục đại học:**

Các trường đại học cần quan tâm đầy đủ đến vấn đề thiết lập một hệ thống thông tin thích ứng với chất lượng thông tin tốt và có thể sử dụng được. Một cơ sở giáo dục đại học không thể đứng bên lề nguồn cung cấp thông tin do Internet mang lại. Để giải quyết vấn đề này thì cần phải đầu tư vào các sản phẩm của công nghệ thông tin. Cần phải rộng tay chi tiêu để mua sắm đủ số lượng và đúng chất lượng những thứ cần dùng, nhưng phải biết sử dụng chúng một cách chuyên nghiệp. Trong thực tế, cũng có nhiều trường hợp người ta dễ dàng thay đổi các thiết bị sau một thời gian ngắn sử dụng hoặc là ném tiền vào các sản phẩm được mua sắm một cách sai lầm.



Nhìn chung, các trường đại học ở các quốc gia giàu có trang bị rất tốt cho giáo viên và sinh viên cả về phần cứng lẫn phần mềm. Hầu hết các nhân viên làm việc trong lĩnh vực học thuật ở Hoa Kỳ được trang bị máy tính ở nơi làm việc. Tương tự, các học giả ở Anh Quốc có tài khoản cá nhân trực tiếp để sử dụng thiết bị phần cứng và các chương trình phần mềm (OECD 2001). Kết quả này có thể có được từ mối quan hệ hợp tác tốt giữa trường đại học và giới công nghiệp.

Việc cấp tài khoản để giáo viên và sinh viên có thể tìm được sách điện tử và tài liệu, tạp chí chuyên ngành trên mạng giúp tiết kiệm tiền bạc hơn là mua sách về xếp đầy các giá sách của thư viện, nhưng chúng sẽ có ít hiệu quả hơn nếu họ không được tập huấn rõ về cách thức sử dụng. Sử dụng tiền bạc một cách khôn ngoan để đầu tư phát triển hiệu quả về công nghệ không phải là việc dễ dàng.

## **2. Vấn đề đầu tư cho công nghệ và định hướng sự phát triển giáo dục đại học:**

Việc thay đổi một cách căn bản cách thức quản lý tri thức đang tạo ra một thách thức khác. Quản lý tri thức không chỉ đề cập đến việc thiết lập một hệ thống thông tin và chuyển giao thông tin, mà là vấn đề thông tin đã được tinh luyện thành kiến thức như thế nào và kiến thức đó được sử dụng như thế nào để có hiệu quả tốt. Kiến thức thì phải cô đọng và khái quát hơn là thông tin. Chẳng hạn như thông tin đã giúp đưa đến một phán đoán có giá trị, hay là thông tin đã mang lại một lợi ích thực tế nào đó, hoặc một cách ứng dụng cụ thể của thông tin, tất cả bao hàm trong vấn đề đang được nói đến. Và, vấn đề này có thể gây nhiều tranh cãi. Nó có mối liên quan với các câu hỏi như: kiến thức là gì? kiến thức được phát triển theo cách thức như thế nào? trong tương lai kiến thức nên được phát triển theo cách thức như thế nào?

Quản lý tri thức đang chiếm vị trí là vấn đề trọng tâm trong hầu hết các ngành học thuật và là vấn đề rất lớn đang tồn tại ở nhiều quốc gia. Mặc dù vấn đề quản lý kiến thức đã có sự phát triển trong các nghiên cứu về kinh doanh, nó vẫn là một nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục đại học và sẽ luôn luôn là vậy. Sử dụng hệ thống thông tin chỉ là một vấn đề thuộc về quản lý tri thức mặc dù tầm quan trọng về mặt học thuật của vấn đề này không ngừng gia tăng.

Chúng ta biết rằng kiến thức đã có thể được định hình và được vận dụng mà *không cần* sử dụng công nghệ thông tin. Các trường đại học đã quản lý tri thức hàng trăm năm mà không dùng công nghệ thông tin. Thế nhưng, trong thập kỷ vừa qua, công nghệ thông tin đã chứng tỏ ưu thế vượt trội của mình như là một công cụ hữu hiệu để quản lý tri thức. Vì thế, thách thức công nghệ chủ yếu đối với giáo dục đại học là phải tập trung vào công nghệ mà không xao lãng tri thức, không xao lãng việc tạo thành kiến thức, việc chọn lọc và ứng dụng kiến thức (S. Bach 2006). Công nghệ thông tin phải được sử dụng theo hướng tăng thêm tiện ích phục vụ cho tiến trình này hơn là làm suy giảm hay gây ra cản ngại. Việc tìm kiếm tri thức phải được đặt ra trước tiên, trước vấn đề về công nghệ.

S. Brown và P. Duguid (2000) cho rằng vai trò trọng tâm của giáo dục đại học trong thời đại thông tin là phê duyệt kiến thức. Trong khi Internet đã làm tốt việc sắp xếp và chia sẻ thông tin, giáo dục đại học cũng không bị tước mất đi vai trò định nghĩa và phân loại về mức độ quan trọng của các sản phẩm thuộc về kiến thức. Hơn nữa, có thể nói vai trò của giáo dục đại học trong việc quản lý tri thức sẽ trở nên khó khăn phức tạp hơn, đây là thách thức rất quan trọng với tính chất là vấn đề tiên phong, dẫn đường cho sự phát triển giáo dục đại học.

### **3. Vấn đề phát triển kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của giảng viên và sinh viên:**

Thách thức tiếp theo là kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của giảng viên và sinh viên. Sinh viên cần có kỹ năng sử dụng Internet để truy cập vào các web site tốt, tìm kiếm các thông tin có giá trị, và phát triển kỹ năng quản lý tri thức. Theo M. Pettigrew và D. Elliott (1999) thì có một số nguyên tắc cần lưu ý trong việc huấn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cho sinh viên, đó là: linh hoạt, sử dụng thường xuyên và tự tin, tài liệu học tập đa dạng và cập nhật.

Linh hoạt là khả năng xoay sở để thích nghi với sự khác biệt về phần cứng hay các phiên bản phần mềm được trang bị khác nhau giữa học đường và nơi làm việc. Sinh viên phải được chuẩn bị để có thể thích ứng nhanh với việc nâng cấp các thiết bị. Việc sử dụng thường xuyên là rất quan trọng bởi vì kỹ năng chỉ có thể hình thành

và thuận thực khi được sử dụng thường xuyên. Sinh viên cần được hỗ trợ bởi các phương pháp huấn luyện và tài liệu học tập đa dạng để giúp họ học tập hiệu quả. Sách, các loại sổ tay hướng dẫn, làm mẫu và hướng dẫn, trợ giúp kỹ thuật trực tiếp hoặc trực tuyến, hướng dẫn gián tiếp qua băng hình, tất cả đều có ích để giúp sinh viên lựa chọn phương pháp học tập tốt nhất đáp ứng nhu cầu học tập của họ. Điều này rất quan trọng để giúp sinh viên đạt được bằng cấp đại học bất chấp kỹ năng công nghệ thông tin của họ đã được trang bị ở mức độ nào từ các cấp học phổ thông.

Các giảng viên cũng cần được huấn luyện về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Một bộ phận lớn giảng viên đã không được học về các kỹ năng này từ các trường lớp chính thức mà chỉ tự học là chính. Xu hướng tin học hoá trong giáo dục cũng làm gia tăng thêm áp lực nghề nghiệp và khối lượng công việc cho nhóm giáo viên này hơn là giúp tiết kiệm sức lao động của họ. Các cơ sở giáo dục đại học cần có các chiến lược để trợ giúp đội ngũ giảng viên và nhân viên về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin mà họ còn thiếu hụt. Hạn chế về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của đội ngũ giảng viên và nhân viên cũng như thiếu sự hỗ trợ của giới chuyên môn về công nghệ thông tin sẽ là một lý do làm thất bại các chiến lược thúc đẩy việc trực tuyến hoá các tài nguyên học tập và phương pháp giảng dạy – trong khi các chiến lược này được đánh giá là hữu ích để kéo giảm áp lực đại chúng hoá giáo dục đại học.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Bach, Shirley. *Online Learning and Teaching in Higher Education*.
2. Buckingham, , GBR: Open University Press, 2006.
3. Brown, J.S. and Duguid, P. (2000) *The Social Life of Information*. Boston, MA: Harvard Business School Press.
4. OECD (Organisation for Economic Co-operation and Development) (2001) *The Hidden Threat to E-government: Avoiding Large Government IT Failures*. PUMA Policy Brief No 8. Paris: OECD.
5. Pettigrew, M. and Elliott, D. (1999) *Student IT skills*. Aldershot: Gower.

# CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN TRONG NHÀ TRƯỜNG

*ThS. Trương Tinh Hà  
Khoa Vật lý – Trường Đại học Sư Phạm TP.HCM*

## 1. Mở đầu

Với sự phát triển về nhiều mặt của thế giới và xã hội như: chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục, cơ sở hạ tầng, mạng lưới viễn thông - Internet, các giải pháp eLearning, nhu cầu được học tập mọi nơi, mọi lúc của nhiều thành phần: học sinh, sinh viên, người đã đi làm... yêu cầu phát triển các hệ thống đào tạo và học tập trực tuyến đã trở thành một ***nhu cầu tất yếu của xã hội***.

Với việc Việt Nam gia nhập WTO và hội nhập vào nền kinh tế thế giới ngày càng sâu rộng, giáo dục Việt Nam đang đứng trước thách thức đào tạo những công dân tương lai có đầy đủ năng lực, trí tuệ, khả năng tự học, khả năng tự nâng cấp mình trong môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt... Đi cùng nhiều giải pháp, ***đào tạo trực tuyến (ĐTTT)*** sẽ là ***một trong nhiều giải pháp*** mà nền giáo dục Việt Nam hướng tới và triển khai.

Bộ GD-ĐT Việt Nam cũng đã thể hiện nhiều động thái khuyến khích việc sử dụng CNTT trong giảng dạy, đưa các kiến thức về eLearning tới những cán bộ quản lý, nhà giáo, những người quan tâm đến giáo dục, HS-SV (chủ đề năm học 2008-2009, chỉ thị số 47/2008/CT-BGDĐT, chỉ thị số 55/2008/CT-BGDĐT, hướng dẫn 9772/BGDĐT-CNTT...)

Thông qua bài tham luận tại Hội thảo này, chúng tôi mong muốn góp một góc nhìn cho các trường phổ thông, cao đẳng, đại học, các nhà lãnh đạo cơ sở giáo dục đang muốn tìm hiểu hoặc triển khai các giải pháp đào tạo trực tuyến cho nhà trường của mình. ***Đây là một số câu hỏi mà một dự án triển khai ĐTTT nào cũng phải đặt ra, bắt buộc quy mô của dự án và việc trả lời hết hoặc không hết các câu hỏi này***

*cùng mức độ của câu trả lời sẽ thể hiện được mức độ mong muốn thực hiện ĐTTT trong nhà trường.*

## **2. Xây dựng Chiến lược phát triển Đào tạo trực tuyến trong nhà trường:**

Để thuận tiện cho quá trình theo dõi và sắp xếp các ý tưởng thực hiện một dự án phát triển ĐTTT trong nhà trường, chúng tôi sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi 5W1H. Việc trả lời các câu hỏi được đặt ra không nhất thiết phải đi theo một chu trình tuần tự, mà có thể được thực hiện theo chu trình xen kẽ.

### **2.1. Cái gì? (What)**

#### **- ĐTTT là gì?**

*Việc giảng dạy trên môi trường học tập mà người dạy và người học có sự cách biệt về thời gian hay không gian, hoặc cả hai, và người dạy cung cấp nội dung khóa học thông qua các ứng dụng quản lý học tập (LMS, LCMS), các nguồn tài nguyên multimedia, mạng Internet, hội thảo trực tuyến, ...Người học nhận nội dung khóa học và tương tác với người dạy qua cùng các phương tiện kỹ thuật trên. (Kurbel, Karl - 2001)*

- **Nên lựa chọn mức độ phát triển ĐTTT nào?** Câu trả lời cho câu hỏi này tùy thuộc vào định hướng và chiến lược phát triển của nhà trường, sự quen thuộc với các phương tiện ICT (information and communication technology) và văn hóa mạng của thành viên trong tổ chức... Ví dụ: Nhiều trường có đa số thành viên chưa quen sử dụng với email, chat, công cụ tạo bài giảng, diễn đàn, nhiều trường học khác thì đã hình thành xong văn hóa sử dụng mạng trong giao tiếp, nhiều trường thì việc triển khai ĐTTT là giải pháp bắt buộc, ...

- **Nhà quản lý, nhà giáo, học sinh được lợi gì khi triển khai ĐTTT?**

- **Các giải pháp kỹ thuật ICT nào sẽ được sử dụng?** Bao gồm: công cụ tạo bài giảng, website, diễn đàn, hệ thống quản lý học tập, môi trường học tập ảo...

### **2.2. Vì sao? (Why)**

- **Vì sao phải triển khai và ứng dụng ĐTTT trong nhà trường?**

- *Các mục đích giáo dục, đào tạo có đạt được khi triển khai ĐTTT?*
- *Việc triển khai có phù hợp với chủ trương, xu hướng của ngành GD?*

Những người điều hành và tham gia dự án phát triển ĐTTT cần hiểu rõ các mục đích về giáo dục, đào tạo mà dự án có thể đạt được và các mục đích mà ĐTTT sẽ không thể đáp ứng. Bên cạnh đó, dự án cũng cần phù hợp với các chủ trương của ngành (ví dụ: hiện nay Bộ GD-ĐT chủ trương đẩy mạnh việc sử dụng các phần mềm nguồn mở nhằm hạn chế chi phí phải bỏ ra, khuyến khích các trường sử dụng hệ thống Moodle để quản lý các khóa học, sử dụng các bài giảng đúng chuẩn SCORM).

- ***Vì sao các giải pháp eLearning này được lựa chọn?***

Dựa trên các câu trả lời về hiệu quả sẽ mang lại, chi phí bỏ ra cho hệ thống kỹ thuật, đào tạo, nhân công, trình độ sử dụng công cụ ICT của thành viên...

Hiện nay, trên thị trường eLearning có nhiều hệ thống thương mại và miễn phí với những ưu điểm và khuyết điểm khác nhau.

### **2.3. Ai? (Who)**

- ***Những người nào hay bộ phận nào sẽ phụ trách dự án?***

Nhà trường quyết định phát triển hệ thống ĐTTT của mình với những thành phần nào? Bộ phận IT của trường, các giáo viên của trường có am hiểu về eLearning hoặc mời một bộ phận tư vấn và phát triển bên ngoài nhà trường?

- ***Bộ phận nào sẽ phụ trách về mặt nội dung sư phạm cho nhà trường?*** Bao gồm những người sẽ thiết kế nội dung học tập phù hợp với các mục đích đào tạo đã đề ra, các phương pháp sư phạm, các phương pháp đánh giá quá trình học tập, ...

- ***Bộ phận nào sẽ chịu trách nhiệm về mặt kỹ thuật và phát triển các bài học trực tuyến?*** Bao gồm nội dung và các yếu tố khác như: định dạng file, hợp chuẩn eLearning, yếu tố multimedia, tương tác, kiểm tra và đánh giá...

Việc phát triển ĐTTT hoặc sử dụng eLearning trong nhà trường có thành công hay không là do chất lượng nội dung của các khóa học được triển khai trên hệ thống.

*“eLearning không là gì cả nếu không có nội dung tốt”*. (Amy Smith - 2006)

Chúng ta cần ý thức rõ rằng: *“Giáo viên không phải là Kỹ thuật viên”*, với mỗi vai trò sẽ cần những hiểu biết khác nhau. Do đó, nhà trường cần ý thức xây dựng ít nhất 2 bộ phận cho quá trình phát triển ĐTTT của mình:

+ Bộ phận chuyên về nội dung sư phạm gồm các giáo viên, giảng viên nhiều kinh nghiệm, nắm vững kết cấu chương trình giảng dạy, họ sẽ là người trao đổi với nhau bằng ngôn ngữ của giáo dục.

+ Bộ phận kỹ thuật: bao gồm những người am hiểu về các yêu cầu khi phát triển một hệ thống ĐTTT, các định dạng multimedia, các chuẩn đang được thế giới sử dụng, các kỹ thuật ICT sử dụng để đáp ứng yêu cầu của bộ phận nội dung. Đây là những người sẽ trao đổi với nhau bằng ngôn ngữ IT.

Và đôi khi giữa 2 bộ phận đó cần có một bộ phận trung gian để “phiên dịch” yêu cầu của cả 2 bộ phận trên. Đây sẽ là những người có hiểu biết tối thiểu ở cả 2 lĩnh vực để truyền tải, “phiên dịch” ý muốn của cả 2 bên nhằm đảm bảo chất lượng của nội dung khóa học được như mong muốn.

#### **2.4. Ở đâu? (Where)**

- *Những người tham gia dự án sẽ gặp mặt, trao đổi, lên kế hoạch ở đâu?*
- *Cơ sở vật chất của nhà trường có riêng các phòng cho nhân sự của các bộ phận của dự án?*
- *Hệ thống ĐTTT và hạ tầng kỹ thuật sẽ được đặt ở bên trong hay bên ngoài nhà trường, hoặc cả hai?*

Mặc dù, hệ thống ĐTTT sẽ được chạy trên môi trường mạng, chúng ta vẫn cần một không gian để đặt các máy chủ, máy tính phục vụ việc tạo bài giảng, xây dựng ngân hàng kiến thức dùng chung, ngân hàng tài liệu multimedia... Nhiều trường học gặp khó khăn để tìm kiếm thêm các phòng ốc cho dự án ĐTTT, nhưng nếu không có một “địa chỉ” cố định để tập trung, phát triển các khóa học, quản lý và vận hành hệ thống... thì việc triển khai khó lòng đạt hiệu quả cao.

Nếu nhà trường có ý định mời một đơn vị bên ngoài, thì không gian liên lạc, gặp mặt trao đổi, triển khai có thể mở rộng thêm nhờ cơ sở vật chất của bên thực hiện.

## 2.5. Khi nào? (When)

- *Nhà trường dự định triển khai ĐTTT từ thời điểm nào?* Việc lên kế hoạch về mặt thời gian là hết sức cần thiết để kiểm tra, điều chỉnh trong quá trình phát triển dự án.
- *Kế hoạch triển khai sẽ kéo dài trong bao lâu?* Với một quá trình mất quá nhiều thời gian triển khai, thì khi hệ thống bắt đầu chính thức đi vào hoạt động, hệ thống đó đã không còn phù hợp với xu hướng và kỹ thuật phát triển của tình hình hiện tại.
- *Tại thời điểm nào sẽ có các buổi gặp gỡ để đánh giá lại quá trình?* Đây là thời điểm để những người tham gia và quản lý dự án cùng ngồi lại để đánh giá công tác triển khai, hiệu quả sử dụng và các điều chỉnh cho thời gian tới.
- *Những người trực tiếp sử dụng hệ thống ĐTTT như giáo viên, học sinh, người quản lý sẽ được huấn luyện làm quen với hệ thống lúc nào?* Việc đưa hệ thống vào hoạt động chắc chắn sẽ gây bối rối, khó khăn lúc ban đầu cho những người sử dụng. Do đó, công tác đào tạo, làm quen với hệ thống càng được lên kế hoạch và thực hiện chu đáo thì giai đoạn khó khăn ban đầu sẽ càng được rút ngắn.

## 2.6. Như thế nào? (How)

- *Kinh phí nhà trường dự định cho việc triển khai dự án và duy trì dự án là bao nhiêu?*
- *Làm cách nào có được số kinh phí đó?*

Bên cạnh vấn đề nhân lực, thì chi phí chắc chắn sẽ là vấn đề mà lãnh đạo nhà trường cần nghiêm túc xem xét.



- *Trong phần kinh phí đó, bao nhiêu phần trăm sẽ được sử dụng cho các khoản khác nhau: đầu tư cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thù lao cho người tham gia, chi phí cho các bộ phận...?*
- *Hiệu quả của việc sử dụng ĐTTT được đánh giá như thế nào?*
- *Các biện pháp nào nhằm giúp người thụ hưởng (người quản lý, giáo viên, học sinh...) làm quen với ĐTTT? Các biện pháp có thể bao gồm mở khóa đào tạo (kỹ thuật viên-quản lý-giáo viên-người học), đưa ra các chính sách khuyến khích hoặc yêu cầu sử dụng, trao đổi với các cá nhân hay tổ chức khác đã sử dụng thành công ĐTTT...*

### **3. Kết luận**

Thông qua các câu hỏi và vấn đề trình bày bên trên, chúng tôi hy vọng cung cấp một cái nhìn tổng quát cho những nhà quản lý đang có nhu cầu tìm hiểu hoặc phát triển một hệ thống đào tạo trực tuyến cho nhà trường của mình.

Việc sử dụng ICT nhằm nâng cao chất lượng dạy và học sẽ tiếp tục là một đề tài được các nhà giáo dục, quản lý, giáo viên, học viên và toàn xã hội quan tâm. Và sử dụng các hệ thống eLearning chính là một trong những biện pháp thực hiện “Học tập suốt đời” mà UNESCO hướng tới.

### **Tài liệu tham khảo**

- *Chỉ thị số 47/2008/CT-BGDĐT* ngày 13/8/2008 về nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục chuyên nghiệp năm học 2008 – 2009.
- *Chỉ thị số 55/2008/CT-BGDĐT* ngày 30/9/2008 về tăng cường giảng dạy, đào tạo và ứng dụng CNTT trong ngành giáo dục giai đoạn 2008-2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- *Hướng dẫn số 9772/BGDĐT-CNTT -V/v* Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CNTT năm học 2008 – 2009.

- A.Smith, *Content is Critical to a Good eLearning Strategy*, 2006, [amysmithconsulting.blogs.com](http://amysmithconsulting.blogs.com)
- A.Smith, *eL Strategy Development - First Steps*, 2006, [amysmithconsulting.blogs.com](http://amysmithconsulting.blogs.com)
- K.Karl, *Virtuality on the Students' and on the Teachers' sides: A Multimedia and Internet based International Master Program*, *Proceedings on the 7th International Conference on Technology Supported Learning and Training – Online Educa*; Berlin, Germany; November 2001, pp. 133–136.
- Lance Dublin, *Lessons on E-Learning Strategy Development from the Cheshire Cat*, 2004, [www.learningcircuits.org](http://www.learningcircuits.org)
- Roberta L. Westwood, *Developing an e-Learning Strategy for Your Organization*, 2001, [www.westwood-dynamics.com](http://www.westwood-dynamics.com)
- T.Anderson, F.Elloumi, *'Theory and Practice of Online Learning'*, *Athabasca University*, 2004. ISBN: 0-919737-59-5.

## **DẠY HỌC ONLINE**

# **TRƯỜNG HỌC ẢO TRONG THẾ GIỚI THỰC**

*TS. Nguyễn Kim Hồng*  
*TRường ĐH Sư phạm Tp.HCM*

Cách đây gần 10 năm, lần đầu tiên tham gia Ban Chỉ đạo chương trình công nghệ thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tôi đã được nghe giáo sư cố vấn chương trình – một người Mỹ, thuyết phục một số người trong ban khi họ hồ nghi chương trình khi cho rằng, đất nước ta còn nghèo, chưa thể đưa công nghệ thông tin vào giáo dục – Ông nói : “Tôi vừa tới Hà Nội được hai ngày. Hôm qua, trên đường dạo chơi, tôi thấy trẻ em ở một ngôi trường ở Hà Nội chơi trò mà tôi không biết gọi là gì, nhưng tôi đoán là trò chơi truyền thống ở nước bạn (ông tả, và mọi người nói, đó là trò chơi “ô ăn quan” của những nữ sinh, đó là trò chơi “đánh quay” của nam sinh) và sau đó, khi quay trở về, tôi thấy có những đứa trẻ đang chơi trò chơi “game” trên các máy vi tính ở cửa hàng gần cổng trường học nọ. Tôi đứng nhìn và biết rằng, tôi không thể chơi “game” thành thạo như những đứa trẻ kia được. Tôi thấy, các chương trình “game” mà chúng chơi đều bằng tiếng Anh. Tôi nghĩ, có lẽ, chỉ số ít trong chúng có thể đọc được cách hướng dẫn “game” bằng tiếng Anh, nhưng chúng vẫn chơi thành thạo. Tôi muốn nói với các bạn một điều, đừng vin vào lí do nghèo, đừng chờ đến khi Việt Nam có đủ các điều kiện để thực hiện công nghệ thông tin trong các trường học (máy tính, mạng nội bộ, internet...) thì mới ứng dụng công nghệ thông tin vào trường học. Như vậy thì sẽ làm chậm đi sự phát triển của giáo dục, chậm đi sự hội nhập và phát triển kinh tế”. Câu nói ấy, đánh tan đi những nghi ngờ còn lại của một số người khi triển khai chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục.

Tôi có một người bạn (đúng ra là nhiều hơn một) than phiền rằng: con nhà mình mê “game” quá, chẳng biết làm cách nào để cho chúng bớt chơi cả. Tôi bảo, anh có chơi “game” chưa, là tôi chỉ nói đến những “games” cài đặt sẵn trên máy tính cá nhân ấy, thứ không phải mua như bọn trẻ chơi “game” bây giờ. Một số người thú

thật: có. Tôi hỏi, anh có mê không? Cũng có người trả lời có. Anh mê vì điều gì? Họ trả lời, lúc đầu vì tò mò, sau thì vì muốn thắng. Tôi hỏi tiếp, khi thắng rồi anh có muốn chơi nữa không? Có – cũng có người trả lời như vậy và thêm rằng, tôi chơi để “giết thời gian”. Tôi nghĩ, cái lí do “giết thời gian” kia không phải là lí do chính, lí do chính nằm ở phần sau kia: anh muốn chiến thắng, muốn chinh phục. Vậy thì, sao lại trách con mình và những đứa trẻ khác chơi “game”? Tất cả đều trả lời rằng, sẽ để chúng chơi nếu như chúng học xong bài học.

Tại sao tôi lại phải dài dòng như vậy khi chỉ muốn có một câu ở cho bài viết này: máy tính, công nghệ truyền thông, Internet đang thay đổi chúng ta, đang thay đổi thế giới và giáo dục không thể đứng ngoài sự thay đổi ấy. Trong hội thảo này, chủ đề mà chúng ta đề cập đến là (dạy) học trực tuyến “learning online”. Sẽ không cần phải nói thêm gì những lợi ích mà bài giảng trực tuyến đem lại. Con bạn đi du lịch cùng bạn ư? Chúng sẽ vắng mặt tại trường chứ gì? Nếu có những bài giảng trực tuyến, chỉ cần với một máy tính, có đường truyền Internet, bạn có thể yên tâm, con bạn vẫn theo học như những bạn khác ở trên lớp. Từ lâu lắm rồi, tôi đã biết, trẻ em muốn cô giáo, thầy giáo chúng là một người dịu hiền, chỉ biết khuyến khích, không chê mắng, cho phép chúng làm lại bài tập nếu chúng làm chưa đúng... ***tất cả những điều đó đều có thể có trên lớp học ảo***, trên các lớp học trực tuyến. Nếu có một học sinh nào đó, muốn thầy dạy chúng có khuôn mặt đẹp trai của nam tài tử nổi tiếng Alain Delon, hay khuôn mặt khả ái của nữ minh tinh màn bạc Marilyn Monroe, việc ấy cũng chẳng đến nỗi khó khăn khi trên màn hình là “thầy giáo ảo”. Năm 1997, khi đi khảo sát giáo dục phổ thông trung học ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, tôi đã thấy, có những học sinh phải đi học từ 3 giờ sáng để kịp giờ học bắt đầu từ 7 giờ, thế nhưng, nhiều em đã không đến đúng giờ học. Khi đó, tôi đã nghĩ đến một viễn cảnh dạy – học trực tuyến, để học sinh vùng sâu, vùng xa không phải mất quá nhiều thời gian đi về khi đến trường học và hơn thế nữa là các em có thể theo học các thầy cô giỏi, mà số nhiều các thầy cô giỏi lại không chịu sống ở những vùng có nhiều khó khăn, thiếu thốn vật chất. Khi đó, tôi chỉ dám mơ ước, có những băng ghi hình bài giảng của các thầy cô giỏi ở mọi miền tổ quốc, để học sinh vùng sâu, vùng xa thoát

khỏi thiệt thòi. Bây giờ, nếu có ước, tôi muốn, cả nước được nối mạng Internet đến từng nhà để trẻ em có thể học ở nhà. Thế kỉ XXI đã có nhiều thay đổi tiên bộ mang lại nhiều lợi ích cho con người, trong đó có việc, xóa nhòa ranh giới thụ hưởng giáo dục.

Tôi muốn nói, đến những thay đổi sẽ diễn ra nay mai, khi nước ta đã bước qua lần ranh nghèo đói, qua nhóm các quốc gia nghèo đói nhất thế giới, những thay đổi về giáo dục nhất định sẽ xảy ra. Sẽ phải tổ chức lại trường học thế nào? Những qui định hiện nay về sự có mặt của học sinh, sinh viên trên lớp học ra sao? Trường học tập trung có cần đến qui mô hàng chục hecta? Các hội trường, giảng đường được xây dựng (to nhỏ) như thế nào và chúng sẽ được sử dụng ra sao? Các giảng viên đại học sẽ làm việc như thế nào? Có sự thay đổi về định mức sinh viên/giảng viên không? Nhiều, nhiều, rất nhiều thứ phải thay đổi.

Tôi mừng tượng ra cái cảnh, giảng đường trống rỗng, chỉ có vài ba người ngồi trong đó, với những laptop được nối mạng, sạc điện tự động bằng năng lượng mặt trời. Ngoài sân trường, trên các thảm cỏ, sinh viên đang nằm học. Thư viện cũng không còn bệ thế như hiện tại, vẫn có những người già vào thư viện mượn sách in như hiện nay, phần đông, sinh viên “mượn” sách ngay ở nhà mình, trên xe bus hoặc bất cứ nơi nào họ muốn. Biết đâu, các nhà xuất bản sẽ kiêm luôn cả việc bán ấn phẩm điện tử của mình thay cho các công ty phát hành sách hoặc thậm chí cả Amazon.com hiện nay. Như vậy, kiểu lớp học truyền thống, thầy đối mặt với trò (face to face), mọi người ở cùng ngồi trong khuôn viên vài chục mét vuông, trong một thời gian nhất định sẽ không còn nữa.

Thầy giáo sẽ ít hơn!? Các nhà khoa học, các kĩ sư, công trình trong các nhà máy xí nghiệp, trong các viện nghiên cứu sẽ có thể là những giảng viên đại học qua việc phát hành các nghiên cứu của mình dưới dạng các e-book. Như vậy, các trường đại học sẽ mang tính chất là người tổ chức nhiều hơn là thực thi việc dạy và học. Các trường đại học sẽ là nơi xây dựng các chương trình học, các băng DVD bài học và điều hành dạy-học online. Trường học sẽ có các trường quay giống như Hollywood, ở đó, các bài giảng sẽ được quay, sẽ được số hóa, sẽ được đưa lên mạng

để sinh viên (với account được cấp) sẽ dễ dàng nghe bài giảng của thầy ở bất cứ đâu. Vấn đề là các phần mềm dạy học sẽ được làm như thế nào? Công nghệ truyền thông phục vụ người dạy và học ra sao? Chắc chắn là sinh viên sẽ có nhiều lựa chọn khi học online hơn.

Người học cũng có thể học mọi nơi mọi chỗ. Sẽ có những thay đổi về thi cử, kiểm tra đánh giá. ***Chính người học là người xây dựng kế hoạch học tập cho mình, chất “ cá thể hóa” trong giáo dục sẽ tăng lên.*** Học sinh có thể hỏi “thầy/cô ảo” mọi thứ quanh bài giảng cho đến khi nào họ chắc chắn rằng mình đã nắm được bài học. Những thí nghiệm ảo cũng được cung cấp cho sinh viên, học sinh. Sẽ giảm đi những lo âu về ô nhiễm môi trường khi các thí nghiệm ảo được đưa vào lớp học. Hàng loạt ngân hàng đề thi của các đại học sẽ mở ra. Bài làm của người học sẽ được ghi lại bằng hình ảnh, kĩ thuật sẽ hỗ trợ chống lại sự gian lận thi cử.

Những vấn đề về chi phí sẽ giảm thiểu nhiều. Sinh viên không phải hàng ngày chạy xe bus tới trường đúng giờ như hiện nay. Những thay đổi về khuôn viên đại học trong thời kì đại học online sẽ là những công viên, sân vận động, nhà hát hơn là các giảng đường và thư viện với những núi sách như hiện nay. Nhiều người được học hơn, một người có thể theo học nhiều trường đại học, không còn khoảng cách địa lý giữa nhà trường và người học...

Tôi tìm các địa chỉ trang web học trực tuyến: [www.hoctienganhonline.net](http://www.hoctienganhonline.net), [www.techlearning.com](http://www.techlearning.com), [www.usingenglish.com](http://www.usingenglish.com), [www.abc.net.au/learn](http://www.abc.net.au/learn), [www.onthi.com](http://www.onthi.com), [www.hoctructuyen.org](http://www.hoctructuyen.org), [http://whitedelphi.plus.vn/moodle](http://http://whitedelphi.plus.vn/moodle); [www.vietnamlearning.vn](http://www.vietnamlearning.vn)... Có rất nhiều trang web học trực tuyến, chỉ tiếc là tôi không thể vào học vì không có account.

# ỨNG DỤNG E-LEARNING TẠI KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG – TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

*ThS. Nguyễn Văn Linh, ThS. Phan Phương Lan,  
ThS. Phan Huy Cường, ThS. Trần Ngân Bình  
Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông - Trường Đại học Cần Thơ.*

**Từ khoá:** LMS, LCMS, SCORM.

## **1. Giới thiệu:**

Trong giáo dục, đặc biệt là giáo dục bậc đại học và sau đại học, khi Việt Nam muốn rút ngắn khoảng cách về chất lượng đào tạo với các nước tiên tiến trên thế giới thì việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) là rất cần thiết. E-learning là một mảng quan trọng của ứng dụng CNTT trong giáo dục. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, việc học tập bằng e-learning là một xu hướng tất yếu.

Từ năm 2006 đến nay, Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông (CNTT&TT) thuộc Đại học Cần Thơ (ĐHCT) cũng đã và đang triển khai hệ thống e-learning phục vụ chương trình đào tạo liên thông từ cử nhân lên kỹ sư tin học và hỗ trợ sinh viên của Khoa trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Phần trình bày dưới đây hướng tới các nội dung:

- Cơ sở vật chất dành cho ứng dụng e-learning.
- Sự lựa chọn chuẩn và hệ quản trị đào tạo mã nguồn mở dùng trong e-learning.
- Các công cụ được xây dựng nhằm hỗ trợ hệ thống e-learning.
- Một số kết quả đạt được.

## **2. Cơ sở vật chất dành cho ứng dụng e-learning:**

Khoa CNTT&TT dành 4 phòng máy phục vụ cho hoạt động e-learning. Mỗi phòng được trang bị 40 máy tính với cấu hình giống nhau nhằm giúp việc quản lý và học tập của sinh viên hiệu quả hơn. Những máy tính này đều có cấu hình: CPU

Pentium D 3GB, Ram 512MB, HDD 80GB. Ngoài ra, những phòng máy khác (6 phòng) hoàn toàn có thể đáp ứng ngay cho hoạt động giảng dạy và học tập bằng e-learning khi có nhu cầu phát sinh.

Tất cả các máy tính ở Khoa đều được kết nối mạng nội bộ và kết nối Internet với đường truyền kết nối ADSL là 6Mbps. Bên cạnh đó, khoa còn có hệ thống mạng WiFi nội bộ.

Hệ quản trị đào tạo dùng cho e-learning được cài đặt trên một server online đặt tại Khu II (trường ĐHCT) và một server dự phòng tại Khu III (Khoa CNTT&TT). Cả hai server này đều có cấu hình: CPU 4 x 1.5GB, Ram 4GB, HDD 5 x 37GB. Kết nối từ Khu III sang Khu II sử dụng đường truyền Wireless 11Mbps.

### **3. Sự lựa chọn chuẩn và hệ quản trị đào tạo mã nguồn mở dùng trong e-learning:**

Trong rất nhiều chuẩn và nhiều hệ quản trị đào tạo như hiện nay, việc chọn ra được một chuẩn và một hệ quản trị đào tạo phù hợp trước khi triển khai hệ thống e-learning là một trong những công việc phải được thực hiện sớm nhất. Dưới đây là phần trình bày về việc đề nghị sử dụng chuẩn SCORM trong e-learning và Moodle làm hệ nền.

#### **a. Chuẩn trong e-learning và sự lựa chọn chuẩn SCORM:**

Trong lĩnh vực e-learning, các yêu cầu sau là rất cần thiết:

- Khả năng truy cập nội dung học từ một nơi ở xa và phân phối cho nhiều nơi khác.
- Khả năng sử dụng lại ở một nơi nào đó các nội dung học đã được phát triển ở một nơi khác bằng nhiều công cụ và nền khác nhau.
- Khả năng vẫn sử dụng được các nội dung học khi công nghệ thay đổi mà không phải thiết kế lại, cấu hình lại hay mã hóa lại.

Để đáp ứng được các yêu cầu như vậy, nhiều công ty đã đưa ra các chuẩn của mình, chẳng hạn: IMS của International Model System Global Consortium, AICC



của Aviation Industry CBT Committee, IEEE của Institute of Electrical and Electronic Engineers và SCORM (Sharable Content Object Reference Model) của Advanced Distributed Learning (ADL). Vấn đề đặt ra là nên chọn chuẩn nào trong các chuẩn vừa được liệt kê?

Chuẩn SCORM của ADL được đánh giá cao hơn cả vì nó tích hợp và điều chỉnh các chuẩn của IMS, AICC và IEEE nhằm tạo thành một mô hình dễ thực hiện và hoàn chỉnh hơn để có thể được sử dụng rộng rãi trong cộng đồng e-learning. Chẳng hạn, ADL sửa lại mô hình CMI của AICC cho phù hợp với Internet để đưa ra một mô hình giao tiếp dựa trên web; làm việc với IEEE và IMS để làm ổn định các đặc tả metadata và tạo nối kết XML; tiếp tục sự tích hợp công việc của IMS và AICC để đưa ra các đặc tả đóng gói nội dung của IMS.

Những chuẩn cơ bản của SCORM gồm:

- Chuẩn đóng gói nội dung: cung cấp một cách thức chuẩn để cấu trúc và trao đổi nội dung học. Chuẩn này dựa hoàn toàn trên đặc tả đóng gói nội dung của IMS (IMS Content Packaging Specification) nhưng bổ sung các yêu cầu và hướng dẫn thực hiện cụ thể cho việc đóng gói nội dung.
- Chuẩn metadata: cung cấp các thuật ngữ cho phép các tài nguyên học được mô tả theo một cách chung. Vì thế, những tài nguyên được mô tả bằng metadata có thể được tìm kiếm và truy lục một cách thuận tiện nhằm phục vụ cho việc chia sẻ và tái sử dụng. Chuẩn metadata tuân thủ hoàn toàn chuẩn metadata của IEEE nhưng cung cấp thêm các hướng dẫn cụ thể cho việc sử dụng metadata để mô tả các thành phần của mô hình nội dung của SCORM.
- Chuẩn trao đổi thông tin: cung cấp một cách thức chuẩn để các nội dung học có thể tương tác được với nhiều hệ quản trị đào tạo bất chấp các công cụ được sử dụng để tạo ra chúng. Chuẩn này tham khảo trực tiếp các chuẩn trong giao diện lập trình ứng dụng của IEEE và tham khảo các chuẩn trong mô hình dữ liệu của AICC và IEEE. SCORM Sequencing and Navigation: mô tả cách thức các nội dung học có thể được hiển thị tuần tự cho người học

thông qua một tập các sự kiện điều hướng, được đề xướng bởi hệ thống hay người học.

- SCORM Sequencing dựa trên đặc tả IMS Simple Sequencing (SS) giúp cho bất cứ hệ quản trị đào tạo nào cũng sẽ hiển thị tuần tự các hoạt động học rời rạc một cách nhất quán. Ngoài ra, SCORM Sequencing còn định nghĩa thêm một số thành phần xác định nhằm mở rộng đặc tả IMS SS trong môi trường SCORM.
- SCORM Navigation mô tả cách thức các sự kiện điều hướng được đề xướng bởi hệ thống và người học có thể được khởi sự và xử lý.

**b. Các hệ quản trị đào tạo mã nguồn mở và sự lựa chọn Moodle:**

Trong bài viết này, chúng tôi xin dùng ký hiệu LMS (Learning Management System) để nói về hệ quản trị đào tạo. Các LMS đều có chung kiến trúc vĩ mô với hai thành phần chính:

- Quản trị các hoạt động đào tạo liên quan đến giáo viên, học viên, các kế hoạch học tập, các công cụ thảo luận, học trực tuyến, tổ chức thi trực tuyến, thư từ.
- Hệ quản trị nội dung đào tạo, đó là một hệ thống thông tin về bài giảng, đề thi, tài liệu tham khảo, các thông tin liên quan đến bài học và tài liệu học tập. Hệ cũng cung cấp các công cụ soạn thảo bài giảng và đề thi.

Các LMS được sử dụng làm hệ nền cho e-learning được phân loại như sau:

- Hệ thống thương mại như WebCT, Lotus LearningSpace, Ilearning v.v.
- Hệ thống mã nguồn mở như ATutor, Claroline/ Dokeos, Moodle, v.v.

Việc sử dụng các phần mềm mã nguồn mở đang ngày càng phát triển mạnh mẽ. Một cơ sở đào tạo khi lập dự án giảng dạy bằng e-learning thường sẽ ưu tiên tìm hiểu về các LMS mã nguồn mở trước khi quyết định chọn một LMS (mã nguồn mở hay thương mại) nào đó làm hệ nền. Theo thống kê từ chương trình Edutool, <http://www.edutool.org>, các LMS được sử dụng rộng rãi hơn cả trong rất nhiều các

LMS mã nguồn mở là Moodle, ILIAS, Atutor, Claroline. Trong rất nhiều các LMS thông dụng như vậy, việc lựa chọn một LMS phù hợp làm hệ nền cho e-learning là rất cần thiết.

Chúng tôi không thực hiện đánh giá các LMS theo các bước: xác định tập các tiêu chí, lựa chọn các LMS, đề nghị phương thức đánh giá, tiến hành đánh giá các LMS. Chúng tôi cũng không tiến hành cài đặt và thử nghiệm các LMS mà chỉ dựa vào các kết quả nghiên cứu về chúng của những nhóm khác và một số khảo sát, thống kê về cộng đồng sử dụng để đề xuất một LMS phù hợp nhất. Chúng tôi liệt kê dưới đây một số kết quả đánh giá về các hệ LMS khác nhau.

Graf, S. & List, B. (2005) thực hiện đánh giá các LMS theo tám tiêu chí:

1. Công cụ giao tiếp: diễn đàn (forum), chat, thông báo, mail, v.v
2. Các đối tượng học: bài kiểm tra, bài tập, tài liệu học, các đối tượng học có thể tạo ra khác và các đối tượng học có thể nhập từ bên ngoài.
3. Quản lý dữ liệu người sử dụng: thống kê, theo vết, thông tin cá nhân.
4. Tính tiện lợi: thân thiện với người sử dụng, hỗ trợ các tài liệu.
5. Tính thích ứng: khả năng thích ứng, khả năng mở rộng.
6. Các yếu tố kỹ thuật: các chuẩn, các yêu cầu hệ thống, tính bảo mật.
7. Sự quản trị: quản lý người sử dụng, quản lý quyền.
8. Quản lý khóa học (course): quản lý khóa học, đánh giá các bài kiểm tra và tổ chức của các đối tượng học.

Bằng phương pháp lượng hóa các tiêu chí con trong từng tiêu chí theo các mức từ không có hoặc có rất hạn chế đến rất tốt và tính tổng theo từng mức của từng tiêu chí cho từng LMS, Moodle có năm tiêu chí đầu được đánh giá tốt nhất và ILIAS có ba tiêu chí còn lại được đánh giá tốt nhất. Kết quả đánh giá chung dựa trên tổng của từng mức của tất cả các tiêu chí cho thấy Moodle là LMS vượt trội hơn cả.

Trong khi Graf, S. & List, B. chủ yếu đánh giá các LMS dựa trên các tiêu chí chức năng thì Van den Berg, K. (2005) không những đánh giá các LMS dựa trên tiêu chí chức năng mà còn đánh giá chúng dựa trên các tiêu chí liên quan đến sự ổn định, hoạt động phát triển, nguồn tài nguyên và động lực phát triển LMS. Các tiêu chí cụ thể được sử dụng ở bước đầu tiên nhằm chọn ra một danh sách ít các LMS hơn cho bước đánh giá tiếp theo gồm:

1. Cộng đồng: số lượng người sử dụng và số lượng bài viết trên diễn đàn theo từng giai đoạn.
2. Hoạt động phát hành: số lần phát hành và số lượng các bản ghi hay các lưu ý giải thích những thay đổi trong lần phát hành (các sửa lỗi, các cải tiến các tính năng đã có hay các tính năng mới hoàn toàn).
3. Tuổi thọ: thời gian tồn tại của LMS kể từ ngày phát hành đầu tiên.
4. Chức năng: các chức năng cơ bản mà LMS cung cấp để đáp ứng yêu cầu.

Mỗi tiêu chí được gán một trọng số tương ứng nhằm thể hiện mức độ quan trọng. Tiêu chí tuổi thọ có trọng số thấp nhất. Các tiêu chí chức năng và cộng đồng là quan trọng hơn cả nên chúng có trọng số lớn hơn trọng số của các tiêu chí còn lại. Bên cạnh đó, mỗi LMS có một điểm số xác định ứng với một tiêu chí cụ thể. Sử dụng công thức Linear Weighted Attribute Model, tác giả đã xác định được danh sách các LMS có tổng điểm theo thứ tự giảm dần: Moodle, ATutor, Claroline, ILIAS, v.v. Ở bước thứ hai, phương pháp đánh giá tương tự như bước một nhưng chỉ được thực hiện trên hai LMS có điểm số cao nhất (Moodle và Atutor) và sử dụng mười tiêu chí. Ngoài bốn tiêu chí được đề cập ở trên, các tiêu chí khác gồm:

5. Tài liệu: tài liệu dành cho người phát triển, người sử dụng.
6. Tính bảo mật: đối phó được với các cuộc tấn công.
7. Tính tương tác: tuân theo các chuẩn và sự hợp tác với các sản phẩm khác.
8. Bản quyền.
9. Nguồn gốc và mục tiêu: mục tiêu của dự án có phù hợp với dự định không.

10. Sự hỗ trợ: trả lời câu hỏi liên quan đến việc sử dụng phần mềm và giải quyết các vấn đề của phần mềm.

Kết quả cuối cùng, Moodle đáp ứng được nhiều yêu cầu của một dự án mã nguồn mở tốt hơn ATutor.

Nhóm tác giả của The Open Polytechnic of New Zealand (2004) thực hiện đánh giá các LMS đang được sử dụng phổ biến gồm Moodle, ILIAS và ATutor dựa trên các tiêu chí: kiến trúc tổng quan và sự thực thi; tính tiện lợi; tính tương tác; tính quốc tế hóa; chi phí sở hữu; sức mạnh cộng đồng; bản quyền và tính phức tạp của tài liệu hướng dẫn. Tất cả các tiêu chí được đánh giá theo mức (yếu, trung bình, khá, v.v.). Kết quả đánh giá chung, Moodle được xem là LMS có lợi thế hơn cả.

Sau tiêu chí chức năng, tiêu chí cộng đồng luôn được đánh giá cao hơn so với một số tiêu chí khác khi xem xét một LMS. Các kết quả khảo sát về tính cộng đồng của Google (2006) và các thống kê từ các website của các LMS cho thấy cộng đồng sử dụng Moodle là mạnh nhất hiện nay.

Ở Việt Nam, theo thống kê của Moodle Việt nam (2006) và những tìm kiếm khác của chúng tôi về số lượng sử dụng các LMS khác thì Moodle hoàn toàn chiếm ưu thế.

Từ các kết quả được trình bày ở trên, chúng tôi đã chọn sử dụng Moodle như một hệ nền cho e-learning.

#### **4. Các hoạt động nhằm thực thi e-learning tại khoa CNTT&TT – ĐH Cần Thơ:**

##### **a. Xây dựng quyết tâm về việc ứng dụng e-learning trong đào tạo:**

Do nhận thức được sự phù hợp của e-learning đối với loại hình đào tạo liên thông và việc ứng dụng e-learning sẽ góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và phương pháp đánh giá trong đào tạo theo học chế tín chỉ, Đảng bộ khoa CNTT&TT đã ra nghị quyết về việc ứng dụng e-learning trong đào tạo. Trên cơ sở đó, Ban chủ nhiệm khoa đề xuất và được chấp thuận một đề tài cấp

Bộ trọng điểm nghiên cứu về e-learning. Trong quá trình thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu đã phổ biến các kết quả nghiên cứu đến tất cả các giảng viên trong Khoa để cùng ứng dụng.

**b. Nghiên cứu về chuẩn và LMS để lựa chọn chuẩn và LMS phù hợp:**

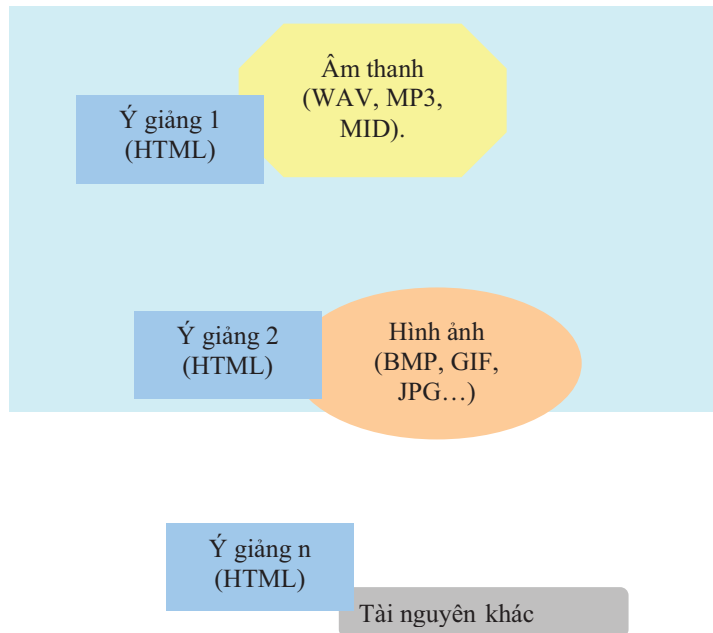
Công việc này đã được tiến hành từ năm 2006 và kết quả là Khoa đã lựa chọn chuẩn SCORM và LMS Moodle như đã trình bày ở trên.

**c. Xây dựng công cụ soạn bài giảng điện tử theo chuẩn SCORM - Word2SCO:**

Như đã trình bày ở phần trên, chúng tôi sử dụng chuẩn đóng gói nội dung SCORM để đóng gói bài giảng điện tử. Mỗi môn học/học phần sẽ được chia thành nhiều bài giảng, từng bài giảng được đóng gói thành SCO (Sharable Content Object) hoàn chỉnh. Các LMS có cung cấp các công cụ để đóng gói bài giảng theo chuẩn SCORM, tuy nhiên người sử dụng công cụ này phải có trình độ tin học nhất định. Chúng tôi xây dựng công cụ Word2SCO với mục đích giúp các giảng viên với trình độ tin học văn phòng, soạn bài theo cấu trúc bài giảng với các ý giảng, sau đó tự đóng gói theo chuẩn SCORM.

Trong mỗi SCO, chúng tôi sử dụng phần lớn các Asset theo định dạng HTML để chuyển tải nội dung từng ý giảng, các tài nguyên âm thanh, hình ảnh sẽ là các asset theo đúng định dạng gốc của nó. Với cấu trúc này, người soạn giáo trình có thể kết hợp các công cụ có sẵn để đóng gói bài giảng theo mô hình sau:

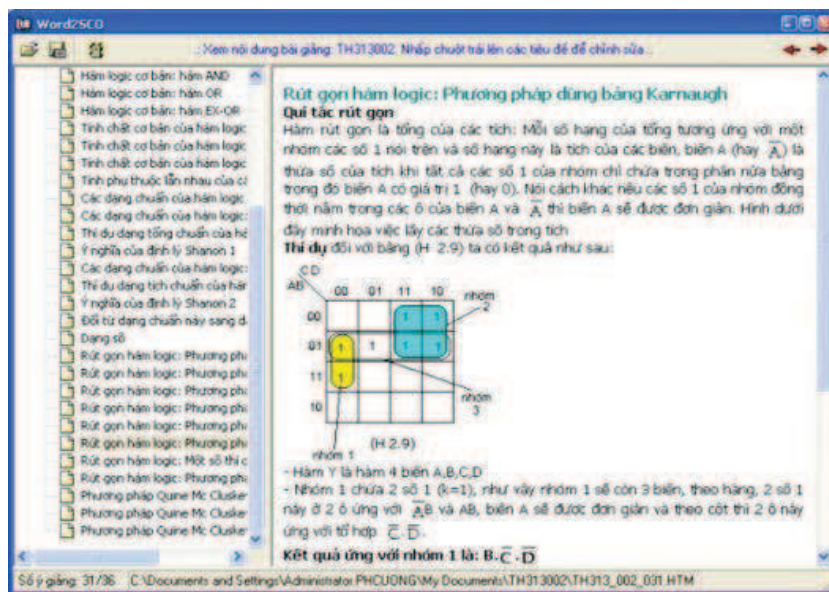
**Mô hình đóng gói bài giảng với ý giảng.**



**Bài giảng đóng gói thành SCO**

Bài giảng sau khi được đóng gói thành SCO có thể xem thử ngay trong công cụ. Hình dưới đây minh họa kết quả đóng gói một ý giảng toán thành SCO của Word2SCO:

**Một ý giảng đóng gói thành SCO.**



Theo qui trình trên, một tài liệu MS Word phải được tách, chuyển đổi thành các asset phù hợp, sau đó bổ sung các tập tin điều khiển để trở thành một SCO. Chúng tôi đã nghiên cứu và cài đặt thành công phần mềm Word2SCO cho phép tách, chuyển đổi, đóng gói hoàn toàn tự động, kết quả sinh ra sẽ là các SCO ở dạng nén có thể sử dụng trong các LMS dùng chuẩn SCORM.

Với sự kết hợp của công cụ Word2SCO và tập tin template của Word, chúng tôi đã triển khai việc viết giáo trình một cách thuận lợi đến những đối tượng không chuyên tin mà không cần đòi hỏi một qui trình kỹ thuật quá phức tạp. Sự kết hợp này còn cho phép các tác giả tái sử dụng hiệu quả các nội dung giáo trình đã được soạn thảo (bằng MS Word) trước khi chuyển thành giáo trình điện tử.

Do đa số các bài giảng được soạn bằng MS Words nên chúng tôi viết công cụ Word2SCO áp dụng trong trường hợp này. Mặc dù vậy, Word2SCO vẫn có thể mở rộng để có thể sử dụng cho các bài giảng viết bằng các phần mềm nguồn mở có tính năng tương tự (StartOffice, OpenOffice).

#### **d. Xây dựng một số công cụ tích hợp vào hệ thống Moodle:**

Moodle là phần mềm của cộng đồng, phần mềm mang tính chất phục vụ chung. Vì vậy, để phù hợp với yêu cầu ứng dụng e-learning tại khoa CNTT&TT, các công cụ hỗ trợ hệ thống Moodle cần phải được xây dựng. Dưới đây là phần trình bày sơ lược về một số công cụ đã được chúng tôi thiết kế và cài đặt.

- *Điều khiển tiến trình học của học viên trong một course:*

Công cụ này cho phép giáo viên có thể tạo ra tiến trình cho một course. Cụ thể, khi thiết lập từng chủ đề trong một course, giáo viên phải qui định các chủ đề tiên quyết mà sinh viên phải đạt được trước khi học chủ đề mà giáo viên đang thiết lập. Ngoài ra, giáo viên cũng phải thiết lập tỉ lệ phần trăm số điểm cho mỗi hoạt động trong mỗi chủ đề.

Như vậy, khi tham gia vào một course nào đó, học viên phải học theo tiến trình mà giáo viên đặt ra.



- *Điều khiển tiến trình học của học viên trong chương trình học:*

Mục đích của công cụ này là này cho phép giáo viên bắt buộc học viên phải học theo tiến trình mà chương trình đào tạo đã quy định. Tương tự như công cụ được đề cập ở trên, khi thiết lập một course, giáo viên phải qui định các course tiên quyết mà sinh viên phải đạt được trước khi học course giáo viên đang thiết lập.

- *Quản lí ngân hàng câu hỏi và ra đề tự động:*

Công cụ này giúp giáo viên quản lí ngân hàng câu hỏi trong course theo từng chủ đề, loại câu hỏi và độ khó. Ngoài ra, giáo viên có thể ra đề tự động theo tiêu chí đặt ra (chủ đề, loại câu hỏi và độ khó) không phải chọn từng câu hỏi và thêm vào đề thi như chức năng hiện tại của hệ thống Moodle.

#### **e. Tập huấn giảng viên:**

Trên cơ sở các kết quả đạt được, nhóm nghiên cứu đã tiến hành tập huấn cho tất cả các giảng viên trong Khoa để mọi người đều nắm được chuẩn SCORM, sử dụng được công cụ Word2SCO để từ các giáo trình được soạn bằng MS Word chuyển thành các gói SCO và sử dụng LMS Moodle để thực hành giảng dạy.

#### **f. Thí điểm và triển khai:**

Lúc mới đưa hệ thống vào vận hành, chưa có nhiều giảng viên sử dụng. Các thành viên của nhóm nghiên cứu là những người tiên phong sử dụng hệ thống e-learning và phổ biến kinh nghiệm cho những người khác. Khi mọi người thấy được lợi ích thiết thực của việc ứng dụng e-learning thì ai cũng tự giác thực hiện.

#### **Một số kết quả đạt được**

Khoa CNTT&TT, trường ĐHCT đã triển khai hệ thống e-learning tại địa chỉ <http://elcit.ctu.edu.vn/>. Sau một thời gian thực hiện, chúng tôi đã đạt được một số kết quả như sau:

- *Đối với sinh viên liên thông từ cao đẳng lên đại học:*

Chúng tôi đã xây dựng được hệ thống bài giảng điện tử dành cho sinh viên liên thông. Khóa sinh viên đầu tiên liên thông từ cao đẳng lên đại học được đào tạo

qua hệ thống e-learning này đã tốt nghiệp. Hiện nay, chúng tôi đang đào tạo cho khóa thứ 2 và tiến hành tuyển sinh khóa thứ 3.

- *Đối với sinh viên của khoa:*

Hình thức đào tạo bằng E-learning là một công cụ hỗ trợ tốt cho quá trình đào tạo bằng học chế tín chỉ. Với đội ngũ giảng viên và sinh viên đã quen ứng dụng CNTT, khoa CNTT&TT có rất nhiều thuận lợi để triển khai e-learning. Hầu hết các giảng viên của khoa đều sử dụng hệ thống này để tải bài giảng, tài liệu tham khảo, trao đổi thông tin kịp thời với sinh viên. Sinh viên cũng có thể sử dụng hệ thống này để lấy tài liệu và trao đổi thông tin với nhau về một chủ đề nào đó trong một course mà sinh viên tham gia. Một trong những chức năng của hệ thống mà giáo viên và sinh viên ưa thích sử dụng là thi trực tuyến. Chúng tôi đã xây dựng được một ngân hàng câu hỏi khá phong phú.

- *Đối với sinh viên tại một số trung tâm liên kết:*

Cũng giống như sinh viên chính quy của khoa, sinh viên tại các trung tâm liên kết có phòng máy được nối kết Internet cũng có thể tải bài giảng, tài liệu tham khảo, trao đổi với giáo viên khi có nhu cầu và thi trực tuyến.

### **Tài liệu tham khảo.**

[1] Edutool, <http://www.edutool.org>.

[2] Moodle, <http://moodle.org>

[3] ILIAS, <http://www.ilias.uni-koeln.de>

[4] ATutor, <http://www.atutor.ca>

[5] Claroline, <http://www.claroline.net>

[6] Graf, S. & List, B., 2005. An Evaluation of Open Source E-Learning Platforms Stressing Adaptation Issues. Proceedings of the International Conference on Advanced Learning Technologies. Kaohsiung, Taiwan, pp. 163-165.

- [7] Van den Berg, K., 2005. Finding Open options: An Open Source software evaluation model with a case study on Course Management Systems. Master Thesis. Tilburg University, Netherland.
- [8] The Open Polytechnic of New Zealand, 2004. Technical Evaluation of selected Learning Management Systems. <http://eduforge.org/projects/nzvl/>
- [9] Khảo sát, June, 2006. [http://www.google.com/Top/Reference/Education/Instructional\\_Technology/Course\\_Website\\_Software](http://www.google.com/Top/Reference/Education/Instructional_Technology/Course_Website_Software)
- [10] Moodle – Việt Nam, <http://el.edu.net.vn>
- [11] IMS, <http://www.imsglobal.org>
- [12] AICC, <http://www.aicc.org>
- [13] IEEE, <http://www.ieeeltsc.org>
- [14] ADL, <http://www.adlnet.org>

## ĐÀO TẠO QUA MẠNG PHÁT HUY TÍNH GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI HỌC

*Hoàng Phương*

*Trung tâm Đào tạo trực tuyến – Trường ĐH Đà Nẵng*

*Đại học Đà Nẵng là một trong những đơn vị đi tiên phong trong lĩnh vực đào tạo qua mạng tại Việt Nam. Từ năm 2003, với sự giúp đỡ của Đại học TEXAS Hoa Kỳ, một chương trình đào tạo qua mạng đã được triển khai tại Trung tâm CCE trực thuộc Đại học Đà Nẵng. Cho đến nay, nhiều khoá học về phương pháp giảng dạy đại học trực tuyến do phía bạn tổ chức; các chuyến đi tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu thực địa cả tại Việt Nam và Hoa Kỳ đã đem lại kết quả là chương trình đào tạo Cử nhân ngành biên dịch tiếng Anh hoàn toàn qua mạng đã ra đời với trên 1500 SV theo học (số liệu 10/2008). Các ê-kíp làm chương trình, giáo trình, phòng thu studio đã được thành lập, các phần mềm tiện ích được thiết kế đã và đang giúp SV học tập một cách hiệu quả. Bài viết sau đây phản ánh những vấn đề của đào tạo qua mạng không chỉ của Đại học Đà Nẵng mà của cả thế giới, trong xu hướng nghiên cứu các tác động qua lại giữa người thầy - học trò và xã hội trong môi trường học tập ảo.*

Một trong những e ngại của người học khi tiếp cận với các khóa học qua mạng là cảm giác “cô đơn”, “lạc lõng” khi đối diện với họ không phải là các thầy giáo và bạn bè mà là cỗ máy tính lạnh lùng trên bàn làm việc. Trong lịch sử hàng nghìn năm của giáo dục, các hình thức đào tạo luôn luôn có một chủ thể là ông thầy hiện diện trong không gian lớp học. Ông thầy ấy có thể di chuyển từ bàn của mình xuống lớp hoặc đi vòng quanh, thời gian ít hoặc nhiều tùy theo yêu cầu của mỗi phương pháp và phương thức đào tạo. Ngay trong phương thức đào tạo từ xa ở nước ta, người học vẫn có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với giảng viên và bạn học mỗi khi lớp có lịch học tập trung. Vậy cơ hội nào cho phương thức đào tạo qua mạng có thể phát huy tính giao tiếp khi tiền đề của nó - sự tiếp xúc mặt đối mặt của người thầy với lớp học - hoàn toàn không có?

Thực ra tính giao tiếp không chỉ mang các thuộc tính vật lý mà còn bao gồm bên trong các yếu tố tâm lý nội tại. Giao tiếp không chỉ bao gồm trong quá trình hỏi-đáp, nêu và giải quyết vấn đề ở lớp mà còn hiện diện trong cả quá trình tư duy của người học. Theo Michael Moore trong *Three Types of Interaction*, có ba loại giao tiếp trong dạy - học là:

- (i) giao tiếp giữa người học và nội dung bài giảng,
- (ii) giao tiếp giữa thầy giáo và học trò, và
- (iii) giao tiếp giữa người học và người học.

Đào tạo qua mạng không phủ định bất cứ loại hình nào trong các loại hình kể trên, ngược lại các công cụ và phương pháp đào tạo trực tuyến còn khuyến khích người học có cơ hội nâng cao chất lượng giao tiếp hơn hẳn các phương pháp đào tạo truyền thống. Qua quan sát các sinh viên đang học chứng chỉ Advanced English Grammar theo phương thức đào tạo qua mạng của Đại học Đà Nẵng, khi SV đặt nhiều câu hỏi với thầy giáo, cơ hội giao tiếp không chỉ xuất hiện khi có nhiều SV đặt câu hỏi mà còn ở cả khi các SV tham gia trả lời. Điều này khó có thể thực hiện được ở các lớp đào tạo tập trung vì tính giới hạn của thời gian và không gian học tập. Do tính chất *không đồng thời* (asynchronous), SV học tập trực tuyến còn có thời gian suy nghĩ chín chắn hơn, tìm hiểu tài liệu bổ sung để củng cố cho lý luận của mình. Những SV có bản tính nhút nhát, thiếu tự tin cũng dễ tham gia diễn đàn thảo luận khi *người ta không biết mình là ai*, nên *dẫu có phát biểu sai cũng không ngại*.

Để khơi dậy sự giao tiếp nơi người học trực tuyến, thầy giáo phải sử dụng các công cụ và chiến thuật đặc biệt. Trong phần mềm WebCT, SV có thể sử dụng các công cụ đã được thiết kế sẵn như *Discussion* (thảo luận giữa thầy giáo và SV) và *Chat* (chuyện gẫu giữa SV) để nêu lên bất kỳ thắc mắc nào về bài học hoặc ý kiến về khóa học. Để khởi động một chuỗi giao tiếp, có khi giảng viên đưa vấn đề cần thảo luận do một *avatar* (hoá thân) khởi xướng. Avatar có thể là một người đóng vai bệnh nhân (trong đào tạo y khoa), một du khách (trong đào tạo ngành du lịch), hoặc đơn giản chỉ là một SV chậm hiểu trong lớp, đưa ra câu hỏi để giảng viên có cơ hội

nhấn mạnh hoặc giảng kỹ hơn cho lớp về một vấn đề nào đó. Trong các buổi thực hành thí nghiệm, avatar có thể đóng vai một người bạn học, người này thường đưa ra ý kiến giúp các SV (có thật) khác cách giải quyết vấn đề nhưng cũng có khi lại xúi bậy, đưa ra lời khuyên sai. Điều này khiến các SV luôn luôn phải vận dụng kiến thức của mình để phán đoán, chọn lựa cách làm nào mình cho là là đúng. Trong thực tế của những lớp học qua mạng của Đại học Đà Nẵng, việc sử dụng các công cụ và chiến thuật này một cách tinh tế đã khơi dậy được tính tích cực trong phát biểu của SV, đồng thời làm gia tăng số người tham gia thảo luận và chất lượng cuộc thảo luận. Nhiều câu hỏi hầu như không còn cần giảng viên giải đáp vì các ý kiến của SV đưa ra đã giải quyết được vấn đề.

Với loại giao tiếp thứ ba (iii), sự giao tiếp giữa người học với người học có thể thực hiện qua các công cụ nêu trên một cách thường xuyên hoặc qua những buổi giao lưu trực tuyến *đồng thời* (synchronous) được tổ chức theo lịch. Người học được mời giao lưu với bạn bè và khách mời (chuyên gia, ban giám hiệu vv...) vào một thời gian hẹn trước, thường vào cuối tuần để mọi người có thể tham dự. Một nội dung trò chơi như gameshow có thể được lồng ghép vào chương trình để buổi giao lưu thêm hấp dẫn. Trong thời gian qua, những buổi giao lưu trực tuyến như thế đã giúp SV các chương trình đào tạo qua mạng của Đại học Đà Nẵng có cơ hội tiếp xúc với nhà trường, tìm hiểu thêm về phương pháp học tập, chương trình đào tạo, các quy định về thi và kiểm tra... Nhờ hình thức này, nhiều nội dung khác giữa các SV học qua mạng tự động đã được mở ra, phong phú không kém các sinh hoạt của lớp học truyền thống như các buổi sinh nhật, họp mặt cuối tuần, đi dã ngoại v.v... trên mạng hoặc cả trong thực tế (khi điều kiện địa lý cho phép). Đối với nhiều người học, những sự giao tiếp như thế không chỉ mở ra những kênh mới trong xã giao, làm phong phú hơn đời sống học tập của mỗi SV mà chúng còn được ưa thích và chấp nhận vì phù hợp với đặc điểm và hoàn cảnh của mỗi cá nhân.

# ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN - HƯỚNG ĐI CHUNG CHO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

*Nguyễn Thuận Quý*

*Phòng Đào tạo – Trường ĐH Đồng Tháp*

## **I. Đặt vấn đề:**

Có thể hiểu nôm na khái niệm đào tạo trực tuyến là việc giảng dạy và học tập thông qua máy vi tính nối mạng với một máy chủ ở nơi khác có lưu giữ sẵn giáo trình, học liệu và phần mềm cần thiết để có thể hỏi hay ra đề cho học viên học trực tuyến từ xa. Hoặc giáo viên có thể truyền tải hình ảnh và âm thanh qua đường truyền cáp quang; ADSL hoặc WiFi, WiMAX, mạng nội bộ... để người học lĩnh hội và nắm vững những tri thức, kỹ năng, nghề nghiệp.

Ngày nay, vấn đề đào tạo trực tuyến không còn xa lạ đối với môi trường giáo dục, nó đang dần dần tiến vào hệ thống giáo dục quốc dân với vai trò là loại hình đào tạo có nhiều ưu điểm, tiện ích. Mặc dù ở nước ta hình thức đào tạo trực tuyến đã manh nha từ những năm đầu thập niên 90 với nhiều phần mềm hỗ trợ, trải qua gần 30 năm hình thành và phát triển, hình thức đào tạo trực tuyến đã thể hiện được nhiều lợi ích, số lượt người truy cập vào các trang web đào tạo trực tuyến tăng vọt theo cấp số nhân và nó trở thành tiêu điểm, chủ đề trong các cuộc Hội thảo, Hội nghị, đã xuất hiện một số trường đại học đi đầu trong việc áp dụng hình thức đào tạo trực tuyến như trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Tây Bắc, Đại học Công nghiệp TP.HCM, Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM, ĐH Trà Vinh, Sư phạm Hà Nội... Hiện tại, nhiều trường Đại học đang tích góp các điều kiện cần và đủ cho loại hình đào tạo này, và có thể nói, đào tạo trực tuyến đã trở thành hướng đến cho các trường đại học. Mặc dù vậy, hình thức đào tạo trực tuyến vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề cần khắc phục, nói một cách chính xác hơn là đào tạo trực tuyến hiện nay chưa thể thay thế cho hình thức đào tạo truyền thống và nó cần được nâng cao nhiều hơn nữa mới trở thành hướng đi chung cho các trường đại học.

## II. Giải quyết vấn đề:

Ở nước ta, đào tạo trực tuyến hiện nay chỉ mới ở bước đầu, chưa có những quy chuẩn, quy định cụ thể. Tuy nhiên, với những tiện ích mà đào tạo trực tuyến mang lại, chúng ta không thể phủ nhận vai trò của nó trong việc nâng cao hiểu biết của con người. Thật dễ dàng để chúng ta tìm kiếm một trang web đào tạo trực tuyến, có nhiều học liệu, tài nguyên dùng để tham khảo. Hiện nay, chúng ta có thể tìm thấy chương trình đào tạo trực tuyến với 3 kênh chính: của các trường đại học trong nước, các chương trình từ nước ngoài đưa vào Việt Nam, của các công ty lập ra. Với những ai đã và đang sử dụng các trang web đào tạo trực tuyến hoặc đang học tập tại các trường có đào tạo trực tuyến đều thấy được lợi ích của hình thức này. Cũng giống như bất cứ công việc gì được trực tuyến như hội họp trực tuyến, tư vấn trực tuyến, giao lưu trực tuyến... đào tạo trực tuyến cũng tiết kiệm được thời gian, không gian; công sức, tiền bạc đồng thời mang lại hiệu quả cao.

Đào tạo trực tuyến sẽ rút ngắn thời gian, không gian đào tạo. Người học có thể học với tốc độ nhanh nhất có thể, người học được chủ động sắp xếp thời gian biểu của mình nhưng phải đảm bảo tốt các bài luận giáo viên giao cho. Bên cạnh đó, việc học tập trực tuyến không mất thời gian đến lớp, đi lại của người học. Để tạo được một lớp học trực tuyến không cần phải xây dựng cơ sở hạ tầng: trường, lớp, bàn, ghế... như các lớp học bình thường, việc học tập trực tuyến diễn ra nhanh khi người học đã tạo lập được tài khoản của mình, và có thể truy cập bất cứ lúc nào và bất cứ nơi nào nếu có đủ các công cụ cần thiết như máy tính, mạng... người học có thể dễ dàng trao đổi với giáo viên, các học viên khác và được giải đáp nhanh chóng.

Đào tạo trực tuyến tiết kiệm chi phí đào tạo. Những ai muốn có được chứng chỉ hoặc bằng cấp, hoặc chỉ là khách truy cập có thể đăng ký tại khóa học mình cần học, có thể truy cập toàn bộ khóa học, người học được cấp một tài khoản và mật mã, sau đó chỉ cần nhập tên đăng nhập và mật khẩu của mình là có thể truy cập và tìm thấy tài liệu, không phải đi lại tốn kém nhiều như cách học thông thường. Chẳng hạn như chi phí cho một khóa CCNA tại vietnamlearning chỉ gần 2,5 triệu đồng, giảm được hơn một nửa nếu học theo cách bình thường ở các trung tâm. Hay



học phí chỉ từ 5.000 đồng đến 10.000 đồng cho một bài giảng các môn học phổ thông hoặc chỉ 15.000 đồng đến 100.000 đồng cho một môn học theo chuyên đề, đặc biệt, ngày nay các trang web học tiếng Anh trực tuyến xuất hiện càng nhiều, đáp ứng nhu cầu của người học và trung bình người học chỉ mất khoảng 1.000 đồng cho một ngày học, thậm chí có trang web hỗ trợ học miễn phí. Riêng những trang web đào tạo trực tuyến của các trường đại học là hầu như miễn phí và người sử dụng các trang này có thể tải tài liệu, bài giảng về nhà học hoặc tham khảo thêm. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo, bài giảng được sử dụng lại nhiều lần và được nhiều đối tượng sử dụng. Việc không phải xây dựng các “lớp học thực chất” sẽ tiết kiệm được một khoản kinh phí xây dựng, nếu người học là cán bộ, công nhân viên tham gia lớp học trực tuyến cũng có nghĩa là người học vẫn đảm bảo hoàn thành tốt công việc được giao, khắc phục được tình trạng thiếu cán bộ, nhân viên trong các cơ quan, doanh nghiệp khi có nhiều người đi học tại các “lớp học thực chất”.

Không mất nhiều thời gian, tiền bạc cho việc đi lại, học viên tham gia các lớp học trực tuyến sẽ tiết kiệm được sức mình và sẽ chủ động truy cập, tiếp thu bài giảng khi đã chuẩn bị sẵn sàng. Riêng đối với các giảng viên trong đào tạo trực tuyến cũng sẽ tiết kiệm được công sức khi đã thiết lập được bài giảng hoàn chỉnh do bài giảng sẽ được sử dụng nhiều lần.

Đào tạo trực tuyến mang lại hiệu quả cao. Hiệu quả của đào tạo trực tuyến không chỉ dừng lại ở tấm bằng hay giấy chứng nhận mà người đăng ký học nhận được, hơn hết là hiệu quả chuyển biến từ phía người học trên cả hai yếu tố: Tính cách (sự tích cực, chủ động, độc lập) và kiến thức. Trong thời đại công nghiệp như hiện nay, cách học online không chấp nhận thái độ học tập lơ là, chậm chạp và thiếu chủ động, trái lại, khi học trực tuyến đòi hỏi người học phải có động cơ học tập đúng đắn và có nhu cầu mở rộng kiến thức, từ đó, người học mới hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tự định hướng cách học cho mình. Người học nâng cao khả năng sử dụng vi tính, email, xử lý thông tin trên mạng và khả năng giải quyết vấn đề. Đào tạo trực tuyến sẽ giúp số lượng giảng viên giỏi và bài giảng có chất lượng tăng lên

theo cấp số nhân, theo đó, người học được tiếp cận rộng rãi với nhiều giảng viên và bài giảng chất lượng cao.

Hiện nay, rất nhiều trường Đại học đã và đang áp dụng hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ. Trong tương lai không xa, tất cả các trường cao đẳng, đại học trong toàn quốc đều phải áp dụng hình thức đào tạo này. Học theo tín chỉ giúp người học tích cực, chủ động hơn, tự sắp xếp thời gian biểu và tự lựa chọn giảng viên, sinh viên sẽ tích lũy dần các chứng chỉ, khi nào đủ sẽ được công nhận hoàn thành khóa học. Theo đó, lớp học truyền thống không còn tồn tại nữa. So với đào tạo theo tín chỉ thì đào tạo trực tuyến cũng có một số điểm chung như vậy. Nhưng đào tạo trực tuyến đòi hỏi phải có một số điều kiện bắt buộc, cần và đủ để nâng cao chất lượng đào tạo. Hiện nay nhìn chung các trường Đại học đã đáp ứng được một số điều kiện đó, chẳng hạn như cơ sở vật chất (hệ thống công nghệ thông tin, học liệu...), con người (đội ngũ quản lý, giảng viên...). Tuy nhiên, để đảm bảo tính thường xuyên, liên tục, chất lượng đào tạo và mở rộng lĩnh vực đào tạo trực tuyến, đòi hỏi các trường phải sở hữu một lượng lớn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo. Muốn vậy, đòi hỏi phải có đội ngũ giảng viên có chuyên môn giỏi, sẵn sàng giải quyết các vấn đề gặp phải.

Việc đào tạo trực tuyến tại các trường Đại học sẽ giúp nhân rộng việc quảng bá thương hiệu của nhà trường, đây là điều mà các trường Đại học đều mong muốn. Tuy nhiên, để công tác đào tạo trực tuyến đạt hiệu quả cao, các trường Đại học phải đảm bảo một số yêu cầu về hệ thống phần mềm như: đăng ký môn học, học viên, lịch trình giảng dạy, tài chính, chất lượng của chương trình... Điều quan trọng nhất là phải có các tài liệu học tập tốt.

Đào tạo trực tuyến mở rộng đối tượng tham gia học, mở rộng không gian, không giới hạn địa phương, tuổi tác, khi người học có nhu cầu đều có thể đăng ký tham gia các lớp trực tuyến. Chúng ta có thể hình dung ra một xã hội học tập tương lai với máy tính, mạng Internet mà không cần phải sắp xếp lớp học với bàn ghế, bảng đen, và ai cũng có thể học tập theo nhu cầu của mình chỉ cần những cái nhấp chuột vào trang web của một trường đại học nào đó. Có một thực tế mà chúng ta

phải chấp nhận và dần dần mới có thể khắc phục được là cho dù hệ thống công nghệ thông tin rất phát triển nhưng việc đào tạo trực tuyến vẫn phải kết hợp với những bài giảng truyền thống để người học dễ tìm kiếm và theo học.

### **III. Kết luận:**

Việt Nam đã mở cửa hội nhập, chúng ta có thể tự mình nhập và xuất khẩu tri thức ra thế giới, do đó nền giáo dục nước ta cũng phải đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Áp dụng hình thức đào tạo trực tuyến sẽ đáp ứng được nhu cầu học tập của xã hội, đặc biệt là đối tượng vừa làm vừa học, giúp người học bổ sung, cập nhật kiến thức, kỹ năng khi họ thực sự cần.

Thực tế, tại Việt Nam, đào tạo trực tuyến chưa thể thay thế phương thức đào tạo truyền thống, do nó chỉ đang ở mức sơ khai, số lượng và chất lượng chưa cao, phạm vi và đối tượng tham gia còn hạn chế, thiếu các cơ sở vật chất cần thiết. Theo Thạc sỹ Tiệp Lê - trường University of Sungkyunkwan, TP Seoul, Hàn Quốc nhận xét: Đào tạo trực tuyến ở Việt Nam rất cần một cú hích lớn trên nhiều bình diện. Thật vậy, để nâng cao số lượng và chất lượng của đào tạo trực tuyến, chúng ta còn phải mất nhiều thời gian, tiền của và công sức, điều này rất cần sự chung tay xây dựng của các trường Đại học trong nước. Mọi việc gì khi mới bắt đầu đều có khó khăn, đào tạo trực tuyến cũng vậy, nhưng khi đã tạo lập được thì rất tiện ích và mang lại hiệu quả lâu dài, lợi ích thu được rất lớn. Chúng ta có thể khẳng định rằng đào tạo trực tuyến có chất lượng sẽ mở ra một lối đi rộng và hiệu quả cho giáo dục Việt Nam, và rằng các trường Đại học sẽ đóng vai trò vô cùng quan trọng trong lối đi ấy, bởi vì các trường đại học sẽ là những nhịp dẫn chủ yếu để kết nối người học với tri thức thông qua hệ thống công nghệ cao.

### **Tài liệu tham khảo**

“Đào tạo trực tuyến- Cần cú hích trên nhiều bình diện”, <http://www.media.vn>.

# ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN MẢNH ĐẤT GIÀU TIỀM NĂNG

*Nguyễn Phước Tài*

*Phòng Thanh tra Đào tạo – Trường ĐH Đồng Tháp*

Chỉ cần một máy tính nối mạng và mật mã tài khoản do thẻ trả trước cấp của một trang web đào tạo trực tuyến là chúng ta có thể dễ dàng tham gia một lớp học trên mạng Internet, đó là lớp học trực tuyến. Ở đó có thầy, học viên và học liệu, nhưng không tồn tại các cơ sở vật chất của một lớp học thường thấy. Người học có thể học bất cứ khi nào, và bất cứ nơi nào. Những lợi ích của hình thức học trực tuyến rất nhiều như linh hoạt, đáp ứng được nhu cầu thực tế của người học, rẻ, nhanh v.v... Bên cạnh đó hiện nay vẫn tồn tại một số vấn đề cần khắc phục trong phương thức đào tạo này như: không tránh khỏi việc làm bài hộ nếu người học không có ý thức học tập nghiêm túc, sự quá tải khi cùng lúc có nhiều người truy cập, khâu quản lý chưa chặt chẽ, quy mô chưa lớn và chất lượng đào tạo chưa cao, v.v... Tuy nhiên, chúng ta thấy rằng đào tạo trực tuyến là một mảnh đất giàu tiềm năng.

## **1. Một vùng đất mới mẻ:**

Đào tạo trực tuyến chỉ mới trở thành trào lưu trong vài năm trở lại đây, chủ yếu là những phần mềm giảng dạy trực tuyến chương trình trung học phổ thông. Nó thật sự chỉ đang bước đi những bước đầu tiên trên con đường dài phía trước. Ở Việt Nam, việc áp dụng hình thức đào tạo này chỉ là đợt thử nghiệm, có khoảng hơn 10 trang web đào tạo trực tuyến nhằm mục đích kinh doanh, còn các trường Đại học thì vừa đào tạo vừa tìm hiểu thêm. Chính vì còn mới mẻ nên còn gặp nhiều khó khăn, nhưng điều đó cũng giúp cho những người am hiểu hình thức đào tạo online này có điều kiện thể hiện mình. Trong cuộc cạnh tranh mà ai cũng có cơ hội ngang nhau thì phần thắng sẽ thuộc về những người có tâm huyết và có sức lâu bền.

Tuy vậy, việc khai phá một vùng đất mới đòi hỏi phải có sức lực và thời gian cùng với khả năng tài chính.

## **2. Đáp ứng nhu cầu xã hội:**

Việc áp dụng các dịch vụ trực tuyến không chỉ là xu thế tất yếu của thế giới mà ngay ở Việt Nam thì nhu cầu này ngày càng mạnh mẽ.

Ở nước ta đã và đang áp dụng hình thức thi trắc nghiệm đối với kỳ thi Tốt nghiệp phổ thông và thi Tuyển sinh vào Cao đẳng, Đại học, đây là điều kiện thuận lợi cho các trang web đào tạo trực tuyến phát triển. Bởi vì học sinh sẽ dễ dàng học tập, tham khảo thêm một kênh thông tin bổ ích ngoài giờ học trên lớp.

Ngày nay, nhu cầu học tập nâng cao trình độ, kỹ năng để phục vụ tốt hơn cho công việc, nhiều cán bộ, nhân viên mong muốn được trang bị thêm kiến thức ngày càng nhiều. Sự lựa chọn đầu tiên của các công ty, doanh nghiệp là các phần mềm đào tạo trực tuyến, họ cho nhân viên của mình tham gia các lớp học trực tuyến mà không phải lo lắng nhiều đến công việc của công ty vì nhân viên của họ vẫn phải làm việc bình thường và chỉ học tập khi sắp xếp được thời gian thuận lợi nhất.

## **3. Nhiều tiện ích:**

Đào tạo trực tuyến vừa nhanh, vừa rẻ lại linh hoạt. Khi tham gia các lớp học trực tuyến, người học được chủ động sắp xếp thời gian biểu cho mình, nếu người học vượt qua được các bài kiểm tra và hoàn thành các bài luận mà giáo viên quy định thì có thể rút ngắn thời gian học tối đa. Kinh phí cho một chứng chỉ hoặc một bài giảng lại rất rẻ, có khi tiết kiệm được một nửa kinh phí so với học tập tại các lớp học bình thường, thậm chí có những bài giảng chỉ tốn vài ngàn đồng. Học online, người học không mất thời gian, tiền của cho việc đi lại, có thể học bất kỳ lúc nào và địa điểm tự do.

Một tiện ích nổi bật nữa của hình thức đào tạo trực tuyến là người học hoàn toàn chủ động trong việc tiếp thu tri thức, người học chỉ đăng ký học một lớp nào đó khi họ cần tìm hiểu, cần được trang bị kiến thức do lớp học đó mang lại.

#### **4. Có các điều kiện cần thiết để phát triển:**

Các điều kiện cần ở đây phải nói đến 2 phía: Phía đào tạo và phía người học.

- Phía đào tạo: Mạng các trường đại học rộng khắp trong cả nước, rất nhiều trường đã có kinh nghiệm trong việc đào tạo nguồn nhân lực, nắm được nhu cầu của xã hội. Các trường đang sở hữu một nguồn tài nguyên vô giá, đó là con người - những giảng viên chất lượng cao, đây sẽ là chủ xây dựng các bài giảng chất lượng. Đồng thời, các doanh nghiệp, các công ty thiết kế phần mềm đang hướng đến hình thức đào tạo này để thu lợi nhuận, họ có đủ các điều kiện về người và của để nhân rộng mô hình đào tạo trực tuyến.

- Phía người học: Hàng chục triệu người đang sử dụng Internet, hàng chục triệu học sinh, sinh viên và công nhân viên có điều kiện học tập trực tuyến, đây sẽ là lượng khách hàng đông đảo giúp cho việc đào tạo trực tuyến mở rộng được quy mô.

Mạng lưới công nghệ thông tin đang mở rộng đến tận các vùng nông thôn, miền núi, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người có dịp tiếp xúc với hình thức đào tạo trực tuyến.

Với các mặt phân tích trên, có thể khẳng định đào tạo trực tuyến đang cần những chuyên gia ươm mầm cho sự phát triển nảy vọt về sau. Trong tương lai, hình thức này sẽ thu hút được đông đảo khách hàng (học viên) bởi những tiện ích của nó. Muốn vậy, ngay từ bây giờ các trường Đại học, các công ty cần chú trọng đến việc quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường và lĩnh vực đào tạo, bên cạnh đó rất cần đảm bảo chất lượng đào tạo. Hình thức đào tạo trực tuyến thật sự đáp ứng yêu cầu của chủ trương xã hội hóa giáo dục.

## THỰC TRẠNG VỀ MÔ HÌNH ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

*Vũ Thị Thái*

*Đại học Sư phạm- Đại học Thái Nguyên*

Năm học 2008- 2009 có tên là “Năm học ứng dụng công nghệ thông tin(CNTT)” nhằm tạo bước đột phá trong ứng dụng CNTT, góp phần thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng “Chuẩn hóa, hiện đại hóa”. Với năm học này, chương trình công nghệ giáo dục được triển khai trên cơ sở áp dụng CNTT trong dạy và học, hỗ trợ đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy, tích hợp ứng dụng CNTT trong từng ngành học, môn học một cách tích cực, hiệu quả và sáng tạo; tác động tích cực nhằm phát huy tính tự học, tự nghiên cứu tìm tòi thông tin cho người học, tạo điều kiện để người học có thể học ở mọi nơi, mọi lúc, tìm được nội dung học phù hợp; xóa bỏ sự lạc hậu về công nghệ và thông tin do khoảng cách địa lí đem lại.

Trong chương trình công nghệ giáo dục có đưa ra những giải pháp để đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giáo dục. Một trong những giải pháp đó là: triển khai mạnh mẽ công nghệ E-Learning. Tổ chức cho giáo viên, giảng viên soạn bài giảng điện tử E-learning trực tuyến; tổ chức các khóa học trên mạng; tăng tính mềm dẻo trong việc lựa chọn cơ hội học tập cho người học.[1]

Một trong những hình thức đào tạo bằng E-learning là hình thức đào tạo trực tuyến (Online learning/Training), đây là hình thức đào tạo có sử dụng kết nối mạng để thực hiện việc dạy và học. Người học có thể học trực tuyến qua Internet, có thể lấy tài liệu tự học trên mạng, giao tiếp giữa người học và người dạy, giữa người học với nhau thông qua các diễn đàn học tập, phòng chat, E-seminar...

Lâu nay trong các khóa học giáo dục từ xa trên web thông tin dưới dạng văn bản được chuyển thành dạng điện tử và đưa lên trang web để người học đọc hoặc in ra rồi học. Với thể loại này tài liệu cho người học được chuyển tải một cách nhanh

chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc tìm kiếm và các thao tác trên văn bản, tăng sự dễ dàng trong việc cập nhật và sửa chữa và phát triển thông tin. Tuy nhiên các khóa học trực tuyến kiểu dựa trên văn bản thường phải bổ sung thêm bằng các công cụ tương tác như các diễn đàn, chat... mà tác dụng của nó thường ít hiệu quả, khả năng hỗ trợ trực tuyến của người thầy bị hạn chế và không phải lúc nào cũng có thể thực hiện được.

Hiện nay thể loại thứ hai của các khóa học trực tuyến đang được phổ biến một cách tích cực và tỏ ra có nhiều ưu việt vì nó sử dụng được sức mạnh của Internet như một môi trường dạy và học. Trong hình thức đào tạo trực tuyến này, mọi tài liệu và hoạt động của các khóa học đều được cung cấp từ các dịch vụ của Internet. Các đối tượng học là những thành phần trực tuyến gồm có: văn bản (chỉ xuất hiện trong những đoạn ngắn gọn, súc tích), thư điện tử, bàn thảo luận (discussion board), các công cụ để nói chuyện (chat utilities), tiếng nói (voice), thông điệp (instant messaging); video clips; các hoạt động tương tác lẫn nhau (interactive activities), các mô phỏng (simulations); các bài tập tự đánh giá (selfgrading exercises), các bài thi vấn đáp (quizzes), các bài kiểm tra, các kho thông tin (websites)... Xung quanh các thành phần kể trên một mô hình đào tạo hoàn chỉnh được xây dựng vừa có thể dùng để tổ chức đào tạo vừa có thể dùng để tự đào tạo, vừa có thể áp dụng đối với hình thức đào tạo tập trung, vừa có thể áp dụng đối với hình thức đào tạo từ xa và phân tán.

Ở Việt Nam, những yếu tố cơ bản góp phần đảm bảo sự thành công của chương trình công nghệ giáo dục (trong đó có đào tạo trực tuyến) là hiện nay chúng ta đã xây dựng được website e- learning <http://el.edu.net.vn> để tuyên truyền, phổ cập công nghệ. Đã Việt hóa phần mềm mã nguồn mở Moodle (để xây dựng và quản lý hệ thống học tập trực tuyến), đã sử dụng chuẩn công nghệ SCORM (chuẩn được thế giới công nhận, để có thể hợp tác và phát triển trong lĩnh vực CNTT) và đang triển khai chuyển giao các phần mềm công cụ tạo bài giảng đạt chuẩn quốc tế miễn phí giúp xuất bản các định dạng file tuân chuẩn SCORM như eXe, Lectora, Violet... phù hợp với nhu cầu Việt Nam (hiệu quả cao, tiết kiệm, dễ sử dụng và khai thác).



Với cách làm này chúng ta có thể tận dụng được các nguồn bài giảng của các nước khác, tiến tới đuổi kịp, chia sẻ và hòa nhập với khu vực và quốc tế trong lĩnh vực ứng dụng CNTT nhằm thực hiện tiêu chí giáo dục mới: học mọi nơi, học mọi lúc, học theo sở thích, và học suốt đời (lifelong learning). E-Learning cùng tồn tại và bổ sung cho các phương pháp học tập truyền thống.

Hiện nay, E-Learning đang trở thành một hình thức học tập phổ biến ở một số nước phát triển trên thế giới. Để tồn tại, phát triển và hội nhập, bên cạnh việc nghiên cứu kỹ lưỡng về cơ sở lý luận của loại hình đào tạo này chúng ta cần phải tích cực áp dụng những tiến bộ mới của khoa học và công nghệ, tạo khả năng đi tắt, đón đầu nhằm thực hiện thắng lợi chương trình công nghệ giáo dục.

Với sự trợ giúp của cộng đồng Moodle Việt Nam trong vấn đề Việt hoá và hướng dẫn phát triển Moodle cho hệ thống E-Learning, trong một vài năm gần đây (từ 2006) trường Đại học Sư phạm- Đại học Thái Nguyên đã tiến hành nghiên cứu, thiết kế và sử dụng các bài giảng e-learning. Bước đầu thử nghiệm triển khai hình thức đào tạo trực tuyến ở một số nội dung như học phần Hình học sơ cấp (chuyên ngành Toán), Bản đồ học (chuyên ngành Địa lí) ở mức độ kết hợp E-Learning với lớp học truyền thống.

Toàn bộ nội dung chương trình của học phần Hình học sơ cấp cũng như Bản đồ học được truyền tải lên website: <http://www.daotaotruoctuyen.org> Kiến thức môn học được chia thành các môđun nhỏ (theo từng tuần), ở mỗi môđun có các phần: đặt vấn đề, kiến thức cơ bản, kiến thức nâng cao và bộ câu hỏi trắc nghiệm kiểm tra, đánh giá khả năng nhận thức của SV.

Học phần Hình học sơ cấp ở trường ĐHSPT nhằm mục tiêu rèn luyện kỹ năng giải toán, bổ sung một số kiến thức hình học nâng cao, ứng dụng hình học cao cấp để soi sáng hình học sơ cấp. Học phần được tính 06 đơn vị học trình (tương đương với 90 tiết). Đã có 440 SV tham gia, trong đó có 180 SV đã hoàn thành khóa học theo hình thức đào tạo trực tuyến, 260 SV còn lại đang tiếp tục tham gia học tập theo hình thức này. Các SV tham gia học theo từng tuần, kết thúc mỗi tuần sẽ có các bài kiểm tra kiến thức. Điểm số đánh giá của SV sẽ căn cứ vào các yếu tố như: Bài thi,

tham gia diễn đàn, làm các bài tập lớn, thời gian tham gia học tập... kết hợp với các bài tự luận trên lớp học truyền thống.

Học phần Bản đồ học ở trường ĐHSP nhằm mục tiêu trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về bản đồ học, bản đồ địa lí; cơ sở toán học của bản đồ; ngôn ngữ bản đồ; tổng quát hoá bản đồ; những nguyên tắc thành lập và sử dụng bản đồ; bản đồ giáo khoa và việc sử dụng bản đồ trong dạy - học ở trường phổ thông. Học phần được tính 04 đơn vị học trình (tương đương với 60 tiết). Đã có trên 50 SV đăng tham gia theo hình thức đào tạo trực tuyến ở học kì 2 tới.

Qua thực nghiệm ban đầu cho thấy tính khả thi của hình thức đào tạo trực tuyến ở trường ĐHSP- ĐHTN, khẳng định sự cần thiết cần phải thiết kế các mô hình cho hệ thống E-Learning (cổng đào tạo trực tuyến) trong tương lai của nhà trường. Trong tương lai nhà trường sẽ tiếp tục nghiên cứu khả năng triển khai đào tạo trực tuyến ở một số môđun như: nghiệp vụ sư phạm, phương pháp dạy học, nghiên cứu khoa học... từ đó, đề xuất tiến trình dạy học phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục.

### **Tài liệu tham khảo**

- 1- Quách Tuấn Ngọc. *Ứng dụng CNTT trong đào tạo giáo viên- Kỉ yếu hội thảo “Ứng dụng CNTT trong đào tạo bồi dưỡng giáo viên ở Việt Nam”. Hà Nội 8-2008*”.)
- 2- Nguyễn Danh Nam. “ *Xây dựng và triển khai đào tạo trực tuyến học phần hình học sơ cấp cho sinh viên sư phạm ngành Toán*”. Thái Nguyên 9-2007.
- 3- Bài giảng điện tử học phần “Hình học sơ cấp” (tác giả Nguyễn Danh Nam) và học phần “Bản đồ học” (tác giả Đỗ Vũ Sơn) cho hệ thống e-learning.

## BÀI GIẢNG ĐIỆN TỬ BÀN THÊM VỀ HAI CHỮ “TƯƠNG TÁC”

*Trần Xuân Tuyền*

*Công ty Phần mềm giáo dục Khai Minh*

“Bài giảng điện tử” là khái niệm được nhắc tới khá nhiều trong thời gian qua, nhất là trong bối cảnh toàn ngành giáo dục thể hiện rõ quyết tâm đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong trường học. Nói đến bài giảng điện tử, vấn đề được thảo luận sôi nổi nhất chính là hai chữ “tương tác”. Các ý kiến và thắc mắc được lặp lại nhiều lần trên nhiều diễn đàn giáo dục, trong nhiều cuộc hội thảo, cụ thể là: một bài giảng điện tử sẽ tương tác như thế nào; những đặc điểm và tính chất gì một bài giảng điện tử cần có để thể hiện tính tương tác... Trên cơ sở những cuộc trao đổi đó, bài viết này sẽ tổng hợp cách hiểu từ nhiều góc độ và cố gắng nêu ra một nhận định tổng quát nhất.

Trước hết, theo ý kiến từ các nhà lãnh đạo, các nhà quản lý giáo dục và các chuyên gia đầu ngành đã nhấn mạnh trong thời gian qua, một bài giảng điện tử không đơn thuần chỉ là một bài trình chiếu (dạng PowerPoint hay các thể loại tương tự). Trước đây khi thiết bị trình chiếu còn đắt đỏ và bài trình chiếu còn chưa phổ biến, các thầy cô giáo thường dùng những bức hình tự vẽ (hay do học trò vẽ) phóng to từ những bức hình trong sách giáo khoa hoặc dùng những tấm họa đồ in sẵn do các đơn vị sản xuất giáo cụ trực quan cung cấp. Với các thiết bị phụ trợ giảng dạy này, tiết học trở nên sinh động và hấp dẫn hơn rõ rệt.

Ngày nay, các bài trình chiếu cải thiện hiệu quả giảng dạy và học tập gấp nhiều lần các bức vẽ trên giấy trước đây. Những ý tưởng mới mẻ, những nội dung tham khảo phong phú và phức tạp được đưa thêm vào bài trình chiếu một cách dễ dàng. Mặc dù khởi đầu việc soạn thảo các bài trình chiếu tạo ra một vài trở ngại cho các thầy cô, thật khó có thể phủ nhận những tác dụng tích cực mà sự “đổi mới” này mang tới. Nhưng tựu chung lại, dù có tác dụng giúp cho bài giảng hấp dẫn hơn, lôi

cuốn người học hơn, cách làm này vẫn chỉ là một hình thức lật qua lật lại các bức “hoạt hình” thay vì các bức hình tĩnh trước kia mà thôi.

Trong khi đó, xã hội hiện đại và nền kinh tế tri thức ngày càng tạo ra áp lực lớn hơn đối với học viên, yêu cầu họ phải có khả năng tiếp cận, phân tích, chất lọc và ghi nhớ kiến thức một cách nhanh chóng, chuẩn xác. Về phía giáo viên, việc đưa học trò vào vị trí trung tâm của tiết học, tăng cường tính chủ động, phát huy sự sáng tạo và tư duy độc lập của người học thay vì “thầy đọc trò chép” theo cách truyền thống vẫn là điều trăn trở lâu nay. Chính vì vậy, có thể nói cả người dạy và người học dường như chưa bao giờ thôi đòi hỏi một mô hình, một phương pháp học tập và đào tạo thật sự “đổi mới”, có khả năng hỗ trợ họ giảm bớt căng thẳng, tiết kiệm thời gian mà vẫn đạt thành tích cao như mong đợi.

Để đáp ứng được đòi hỏi này, các bài giảng phải có tính tương tác. Không những chỉ tương tác với nội dung, chẳng hạn người học có thể sao chép bài giảng vào đĩa CD rồi mang về nhà tự học, tính tương tác còn thể hiện ở chỗ người học có khả năng trao đổi trực tiếp với người khác, tức thầy giáo hay bạn học mọi lúc mọi nơi. Nhưng dù dưới hình thức tương tác nào, với nội dung hay với người khác hay cả hai, một bài giảng điện tử luôn cần hội tụ những đặc tính sau đây:

### **Kiểm tra**

Những câu hỏi trắc nghiệm được lồng ghép ngay sau mỗi phần học; những phương án trả lời đủ lắt léo và đủ khó để khiến người học phải động não nhớ lại những gì vừa học. Như vậy, người học không chỉ đọc lướt rồi... quên như trước đây mà một cách tự nhiên, họ được tạo cơ hội để củng cố kiến thức ngay khi bài học còn chưa kết thúc. Sự suy luận để trả lời câu hỏi, dù câu hỏi dễ, tạo ra một thói quen tư duy rất tốt. Đó là chưa kể sự suy luận liên tục này chính là tác nhân kích thích người học tập trung hơn vào bài học. Quan trọng là sự tập trung đó hoàn toàn tự nhiên, tự giác và tự nguyện xuất phát từ phía người học chứ không phải từ sự áp đặt từ phía giáo viên.

### **Đánh giá**

Thay vì luôn cần một người thầy giáo giám sát, chấm bài và cho điểm, bài giảng điện tử có khả năng làm tốt nhiệm vụ này. Trong khi thầy giáo mất nhiều phút để đọc bài, chữa bài và cho điểm, chức năng đánh giá của một bài giảng điện tử làm việc đó nhanh hơn rất nhiều. Không chỉ dừng lại ở mức cho điểm, chức năng đánh giá này còn có khả năng cho biết người học đã hiểu bài được bao nhiêu phần trăm, hiểu tốt nhất ở phần nào, kém nhất ở phần nào... Nó cũng có khả năng thống kê kết quả trên mặt bằng chung và đưa ra sự so sánh với các học viên khác. Kết quả đánh giá có thể được lưu trữ vào hồ sơ cá nhân và ảnh hưởng ngay lập tức đến hệ thống xếp loại thứ bậc được công bố công khai thường xuyên. Điều này giúp học sinh có thêm động lực phấn đấu trong học tập. Tuy vậy, khả năng đánh giá này của bài giảng điện tử ít hữu dụng trong trường hợp môn học thuộc nhóm văn học hay nghệ thuật.

### **Dẫn hướng**

Trong một lớp học có vài chục học sinh, khả năng nắm bắt và tiếp thu của các học sinh là rất khác nhau. Thật khó khăn nếu một thầy giáo phải giúp đỡ từng học sinh củng cố và lấp lỗ hổng kiến thức để đạt tới sự thấu hiểu tường tận bài học. Đôi khi, sự nỗ lực của người thầy trong trường hợp này không tạo ra kết quả như mong muốn mà ngược lại, học trò có thể nảy sinh tâm lý ỷ lại vào thầy giáo. Bài giảng điện tử tỏ ra có ưu thế hơn, vì một bài giảng điện tử đúng nghĩa phải có khả năng dẫn hướng người học theo kiểu step - by - step (từng bước một) để đi từ phần tham khảo này tới phần tham khảo phù hợp tiếp theo.

### **Kéo thả**

Nói đến sự tương tác không thể không kể đến những tình huống mà ở đó người học thực sự được cầm nắm, dịch chuyển các đối tượng thí nghiệm để xem xét các kết quả tương ứng. Ví dụ, trong bài thí nghiệm môn vật lý về tác dụng lực, học sinh có thể kéo vật tác dụng về các hướng khác nhau rồi thả ra để xem kết quả. Hay đơn giản hơn, trong bài toán vẽ đồ thị, người học phải có khả năng thay đổi các

nhánh đồ thị tùy ý và sự thay đổi tọa độ tương ứng được hiển thị tức thời. Hoạt động tương tác này có ý nghĩa rất lớn, thực sự trao quyền làm chủ bài học vào tay các học viên.

### **Ghi chú**

Kể cả khi bài giảng đã được số hóa, cả người dạy lẫn người học vẫn luôn cần một thứ, đó là giấy nháp hay bảng nháp. Có thể khẳng định một điều phân ghi chú trong PowerPoint rất ít khi được sử dụng, đơn giản vì đó chỉ là phân ghi chú thêm của người soạn bài trình diễn đó. Một bài giảng điện tử cũng vậy, không chú trọng phân ghi chú dùng cho người soạn nhưng rất chú trọng đến phân ghi chú cho người giảng và người học. Một bài trình chiếu dạng PowerPoint chưa đáp ứng được điều này, trong khi bài giảng điện tử thì bắt buộc phải có. Nghiên cứu một vài mẫu bài giảng của BlackBoard hay Skillsoft dễ thấy, cùng mở một bài giảng có nội dung hoàn toàn tương tự, nhưng mỗi người dù là giảng viên hay học viên đều được cung cấp một khu vực riêng để ghi nháp. Lần sau mở ra, phân ghi nháp vẫn còn nguyên ở đó, đôi khi chứa những thông tin tóm lược rất quan trọng về bài giảng.

### **Đánh dấu**

Tương tự như ghi nháp, một bài giảng điện tử sẽ phải cung cấp khả năng đánh dấu hay tô đậm những phần quan trọng. Điểm mấu chốt ở đây vẫn là: Cùng một nội dung, nhưng nhiều người có thể có những phần tô đậm riêng cho mình mà không ảnh hưởng tới người khác. Rõ ràng, mỗi trang bài giảng đã trở thành trang sách của riêng từng học viên, họ muốn đánh dấu màu vàng hay màu đỏ ra sao tùy ý miễn là dễ nhớ và dễ thuộc. Điều này rất khác so với bài trình chiếu khi mà người học chỉ được... xem qua và nghe giáo viên diễn thuyết một cách thụ động.

Ngoài các đặc tính trên, ngày nay khi Internet ngày càng thông dụng và phổ biến, bài giảng điện tử còn thể hiện được những điểm vượt trội mà một bài giảng truyền thống hay một bài trình chiếu không thể so sánh được. Những đặc tính này bao gồm:

## **Trao đổi**

Không chỉ là sao chép theo lối “copy” và dùng lại, một bài giảng điện tử đúng nghĩa phải luôn trong trạng thái mở và động, nghĩa là không chỉ tác giả mà cả những soạn giả khác có đủ quyền hạn cũng có thể cập nhật bổ sung bài giảng bất cứ lúc nào. Với cách làm đó, kiến thức được trao đổi không ngừng giữa những người soạn, người giảng và người học từ khắp mọi nơi dưới nhiều hình thức như bằng chữ viết, bằng hình ảnh và bằng lời nói. Tất cả quy trình trao đổi này phải diễn ra một cách trực tuyến, trực tiếp, và có hiệu quả ngay lập tức. Đó là chưa kể một bài giảng điện tử luôn cần hợp chuẩn, tức là có thể trao đổi trên phạm vi toàn cầu, trao đổi qua nhiều hệ thống đào tạo khác nhau và cho phép chỉnh sửa tối đa.

## **Cùng sáng tạo**

Một lần nữa, bài giảng điện tử tỏ rõ sức mạnh của công nghệ. Trong khi một bài giảng truyền thống hay bài trình chiếu chủ yếu mang tới sự tham khảo và mang tính áp đặt khá cao từ phía giảng viên thì ngược lại, bài giảng điện tử đem lại cho học viên sự chủ động. Một lớp học ảo với nội dung học tập là các bài giảng điện tử sẽ trở nên gần giống lớp học thật hơn bao giờ hết, vì tất cả mọi người có khả năng tương tác với nhau thật sự. Nếu một game online có thể tạo ra một cộng đồng giống như thật, nơi mà nhiều người có thể cùng nói chuyện, cùng tham gia vào một cuộc phiêu lưu, cùng săn bắt hái lượm... thì một lớp học online với các bài giảng điện tử cũng có thể tạo ra một cộng đồng như vậy, nơi mà mọi người cùng nhau đóng góp ý kiến mới, ý tưởng lạ trong việc giải một bài toán khó hay cùng nhau thử nghiệm sự sáng tạo trong các thí nghiệm hóa học và chứng kiến các kết quả được tạo ra.

## **Sự điều phối**

Như vậy, một bài giảng điện tử đúng nghĩa luôn gắn liền với một hệ thống, thường được gọi chung là hệ thống e-Learning hay hệ thống học tập từ xa qua môi trường mạng. Sự gắn kết này là tất yếu, vì nếu không thì một bài giảng điện tử sẽ chỉ còn phần “bài” mà thiếu mất phần “giảng” mặc dù khi đó nó cũng đã bỏ xa một bài trình chiếu thông thường, vì bản thân bài giảng đó đã có khả năng tương tác về nội

dung với người học như đã trình bày ở trên. Khi đồng ý rằng sự gắn kết này là tất yếu, nhất thiết phải tính đến việc điều phối bài giảng, vì một buổi học là sự kết hợp của cả 3 đối tượng người dạy, người học và bài giảng chứ chỉ riêng bài giảng điện tử đơn thuần khó có thể tạo ra buổi học.

Trong buổi học, nhiều học viên cùng lớp đang ngồi ở khắp mọi nơi có khả năng quan sát cùng một nội dung trên màn hình, thấy được giảng viên đang thao tác trên các nội dung học tập đó. Chức năng điều phối bài giảng cho phép giáo viên cấp quyền cho học viên nào được làm gì tiếp theo trên các nội dung đó, được phát biểu ý kiến nhưng không được phép xóa sửa một đồ thị do người khác mới vẽ chẳng hạn... Họ chỉ được phép sửa khi ý kiến được chấp nhận và được giáo viên cho phép.

### **Kết luận**

Tóm lại, ngày nay, bài giảng điện tử là một nhân tố quan trọng trong môi trường giáo dục đào tạo, đem lại cơ hội học tập hiệu quả với chi phí thấp cho nhiều người, đưa công tác giảng dạy và học tập sang một trang mới. Dù còn nhiều đặc tính chưa được bàn đến, nhưng một bài giảng điện tử thực thụ luôn cần có những đặc tính nêu trên, vì bản thân bài giảng đó đã phải có khả năng “giảng” cho người học, góp phần giảm thiểu công sức cho người thầy và quan trọng hơn, mục đích cuối cùng là phải giúp cho người học nâng cao ý thức chủ động, tích cực, cộng tác và chia sẻ.



# E-LEARNING TRONG TRƯỜNG HỌC VIỆT NAM

*Trần Xuân Tuyền*

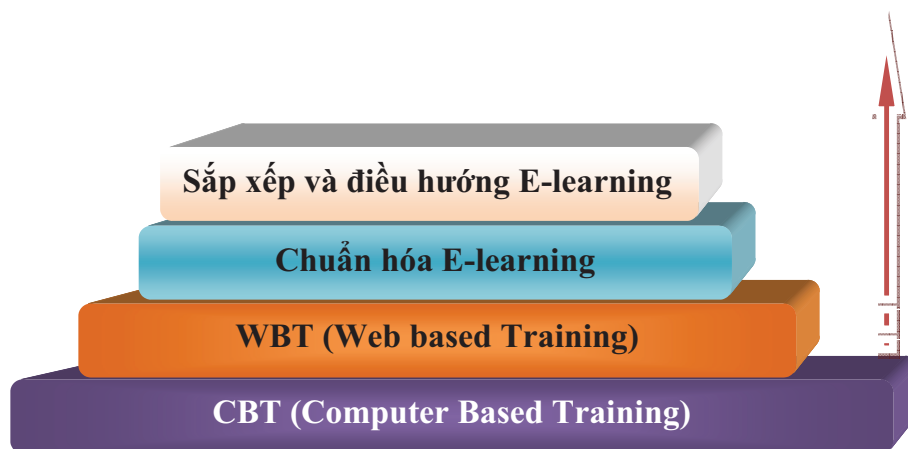
*Công ty Phần mềm giáo dục Khai Minh*

## I. KHÁI QUÁT VỀ E - LEARNING

### 1. Giới thiệu chung :

*"E-learning là phương pháp học được hỗ trợ bằng công nghệ thông tin và truyền thông (Information and Communication Technology-ICT)."*

Cho đến nay, E-learning đã phát triển qua các giai đoạn đồng hành với sự phát triển của công nghệ thông tin:



### **CBT(computer based training):**

- Đây là hình thức đào tạo dựa trên máy tính. Học viên cần mua phần mềm và có thể học ở bất cứ thời gian hoặc địa điểm mà họ thấy phù hợp.
- Không có sự tương tác giữa người học và giáo viên hướng dẫn, cũng như giữa những người học với nhau.
- Thích hợp với những môn học cần hiệu ứng của công nghệ thông tin như Anh văn, Tin học và đòi hỏi tính tự giác cao của người học.

### **WBT (Web based training):**

- Là hình thức đào tạo dựa trên công nghệ web. Khi tham gia hình thức đào tạo này, học viên cần có máy tính nối mạng internet và có thể học ở bất cứ nơi đâu, bất cứ thời điểm nào.
- Có sự tương tác trực tuyến giữa những người học cũng như giữa người học với giáo viên hướng dẫn tạo sự hứng thú cho người học.

### **Chuẩn hóa E-learning :**

- Nhiều LMS (Learning Management System: Hệ quản trị học tập), LCMS (Learning content Management System: Hệ quản trị nội dung) đã ra đời với những kho nội dung riêng biệt.
  - Nhu cầu của các tổ chức sử dụng lại nội dung của tổ chức khác trên chính LMS của mình.
  - Nhu cầu thiết lập các chuẩn chung cho việc tạo lập các bài giảng của E – learning giữa các tổ chức.
- SCORM là chuẩn được sử dụng rộng rãi nhất do ADL (Advance Distributed Learning) thiết lập.

### **Sắp xếp và điều hướng E-learning:**

- Xây dựng các khóa học động là các khóa học mà nội dung luôn được cập nhật trong quá trình đào tạo và được định hướng theo yêu cầu, trình độ của người học.
- Các chuẩn nội dung cũng được cập nhật liên tục để phù hợp với yêu cầu mới.
- Tuy nhiên việc áp dụng các chuẩn vào điều hướng và sắp xếp cho mỗi hệ thống cần có quá trình tìm hiểu, phân tích sâu sắc về đòi hỏi thực tế của hệ thống E-learning.

## **2. Đặc điểm của Elearning:**

*Rất nhiều môn học mà nội dung có tính kỹ năng và quy trình, thay đổi nhanh, yêu cầu cập nhật kịp thời sẽ là những nội dung thích hợp của E-learning. E-learning không phù hợp lắm với các kỹ năng trong các môn như múa, nhạc, họa...*

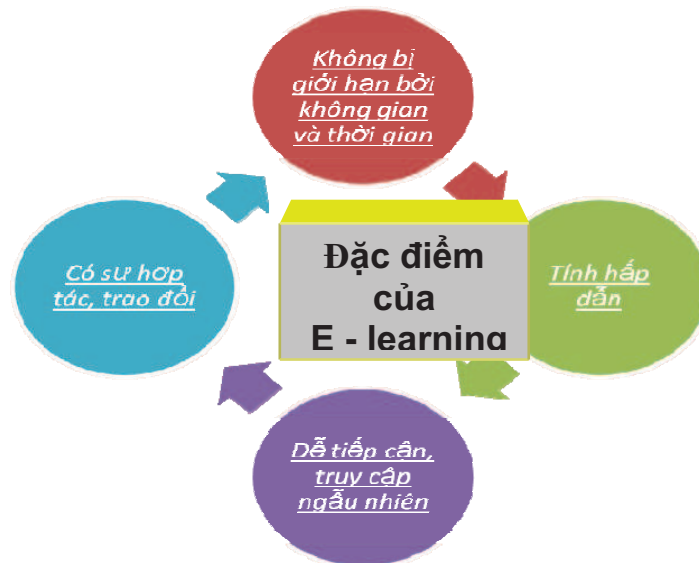
Không bị giới hạn bởi không gian và thời gian: nhờ sự phổ cập rộng rãi của Internet.

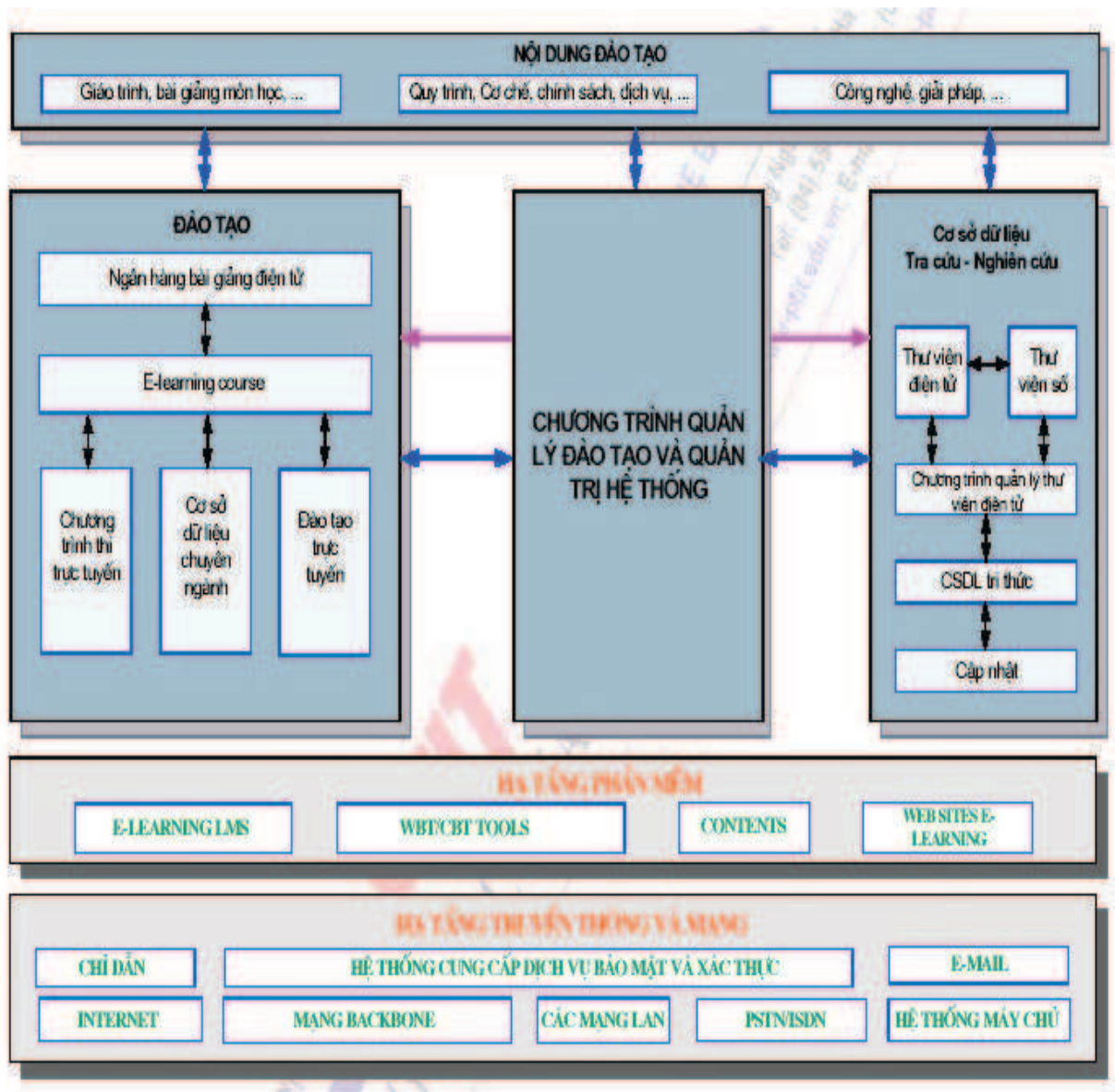
Tính hấp dẫn: với sự hỗ trợ của công nghệ multimedia, những bài giảng được tích hợp text với các hình ảnh, âm thanh, video... người học có thể tương tác với bài học.

Dễ tiếp cận, truy cập ngẫu nhiên: bảng danh mục bài giảng sẽ cho phép học viên lựa chọn đơn vị tri thức, tài liệu một cách tùy ý theo trình độ kiến thức và điều kiện truy nhập mạng của mình.

Tính cập nhật: nội dung khóa học thường xuyên được cập nhật và đổi mới để đáp ứng nhu cầu người học.

Có sự hợp tác, trao đổi ( Collaborative learning): có sự trao đổi giữa các học viên với nhau và giữa học viên với giáo viên





Mô hình Elearning

Nguồn: Học viện công nghệ bưu chính viễn thông (tài liệu đào tạo từ xa)

### 3. Ưu và nhược điểm của Elearning:

#### 3.1 Theo quan điểm của cơ sở đào tạo:

Cơ sở đào tạo là một tổ chức thiết kế và cung cấp các khóa học trực tuyến E-learning: phòng ban trong công ty, toàn bộ trường, học viện, công ty...

Ưu điểm	Nhược điểm
<p><b>Giảm chi phí tổ chức quản lý và đào tạo:</b></p> <p>Sau khi phát triển xong, một khóa học E-learning có thể đào tạo cho hàng ngàn học viên với chi phí tổ chức đào tạo cho 20 học viên.</p>	<p><b>Chi phí ban đầu</b> để phát triển một khóa học E- learning lớn gấp 5-10 lần so với chi phí triển khai một khóa học thông thường với nội dung tương đương</p>
<p><b>Rút ngắn thời gian đào tạo:</b></p> <p>Không bị giới hạn bởi số lượng giảng viên và lớp học</p>	<p><b>Yêu cầu kỹ năng mới:</b></p> <p>Những người dạy tốt trên lớp chưa chắc đã biết đến các kỹ thuật thiết kế, quản lý, giảng dạy một khóa học trên mạng</p>
<p><b>Giảng viên và học viên không phải đi lại nhiều</b></p>	

Nguồn: Học viện công nghệ Bru Chính Viễn Thông (tài liệu đào tạo từ xa)

### 3.2 Theo quan điểm của học viên:

Ưu điểm	Nhược điểm
<p><b>Có thể học bất cứ lúc nào, tại bất cứ nơi đâu:</b></p> <p>Nếu cần học viên có thể đăng ký tham gia ngay vào khóa học mà không cần chờ tới khi lớp học khai giảng</p>	<p><b>Chi phí ban đầu</b> để phát triển một khóa học E- learning lớn gấp 5-10 lần so với chi phí triển khai một khóa học thông thường với nội dung tương đương</p>
<p><b>Không phải đi lại nhiều và không phải nghỉ việc:</b></p> <p>Học viên có thể tiết kiệm chi phí đi lại</p>	<p><b>Yêu cầu kỹ năng mới:</b></p> <p>Những người dạy tốt trên lớp chưa chắc đã biết đến các kỹ thuật thiết kế, quản lý,</p>

đến nơi học ,đồng thời có thể sắp xếp thời gian học phù hợp với mình.	giảng dạy một khóa học trên mạng.
<b>Có thể tự quyết định việc học của mình:</b> Học viên có thể quyết định cấp độ và tốc độ học của mình.	<b>Chi phí kỹ thuật cao:</b> Để tham gia khóa học trên mạng, học viên cần phải cài đặt các phần mềm công cụ trên máy tính của mình, các chức năng cắm và chạy (plug and play), phải kết nối mạng.
<b>Có thể kiểm tra tính xác thực:</b> Các nhà thiết kế có thể tạo ra các bài mô phỏng có tính xác thực cao. Rất nhiều học viên trực tuyến ưa thích việc ôn tập và kiểm tra trình độ mà “không có ai giám sát hoặc cho điểm”.	<b>Việc học có thể buồn tẻ:</b> Do thiếu các quan hệ bạn bè và sự tiếp xúc trên lớp.

## II. THỰC TRẠNG E – LEARNING TẠI VIỆT NAM

### 1. E – learning trên thế giới:

#### Tại Mỹ:

- Tại Mỹ, dạy và học điện tử đã nhận được sự ủng hộ và các chính sách trợ giúp của Chính phủ ngay từ cuối những năm 90.
- Theo số liệu thống kê của Hội Phát triển và Đào tạo Mỹ (American Society for Training and Development, ASTD), năm 2000 Mỹ có gần **47%** các trường đại học, cao đẳng đã đưa ra các dạng khác nhau của mô hình đào tạo từ xa, tạo nên **54.000** khóa học trực tuyến
- Theo các chuyên gia phân tích của Công ty Dữ liệu quốc tế (International Data Corporation, IDC), cuối năm 2004 có khoảng **90%** các trường đại

học, cao đẳng Mỹ đưa ra mô hình E-learning, số người tham gia học tăng 33% hàng năm trong khoảng thời gian 1999 - 2004.

- E-learning không chỉ được triển khai ở các **trường đại học** mà ngay ở các **công ty** việc xây dựng và triển khai cũng diễn ra rất mạnh mẽ. Có rất nhiều công ty thực hiện việc triển khai E-learning thay cho phương thức đào tạo truyền thống và đã mang lại hiệu quả cao. Do thị trường rộng lớn và sức thu hút mạnh mẽ của E-learning nên hàng loạt các công ty đã chuyển sang hướng chuyên nghiên cứu và xây dựng các giải pháp về E-learning như: Click2Learn, Global Learning Systems, Smart Force...

#### **Tại Châu Âu:**

- Trong những gần đây, châu Âu đã có một thái độ tích cực đối với việc phát triển công nghệ thông tin cũng như ứng dụng nó trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, đặc biệt là ứng dụng trong hệ thống giáo dục.
- Ngoài việc tích cực triển khai E-learning tại mỗi nước, giữa các nước châu Âu có nhiều sự hợp tác đa quốc gia trong lĩnh vực E-learning. Điển hình là dự án xây dựng mạng xuyên châu Âu **EuroPACE**. Đây là mạng E-learning của 36 trường đại học hàng đầu châu Âu thuộc các quốc gia như Đan Mạch, Hà Lan, Bỉ, Anh, Pháp cùng hợp tác với công ty E-learning của Mỹ Docent nhằm cung cấp các khoá học về các lĩnh vực như khoa học, con người... phù hợp với nhu cầu học của các sinh viên đại học, sau đại học, các nhà chuyên môn ở châu Âu.

#### **Tại Châu Á:**

- Tại Châu Á, mặc dù vẫn còn một số các rào cản tạm thời về luật pháp, cơ sở hạ tầng cũng như sự ưa chuộng đào tạo truyền thống của văn hóa Châu Á... E-learning đang dần khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của mình.
- Một số quốc gia, đặc biệt là các nước có nền kinh tế phát triển hơn tại Châu Á cũng đang có những nỗ lực phát triển E-learning tại đất nước mình như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Trung Quốc...

➤ **Nhật Bản** là nước có ứng dụng E-learning nhiều nhất so với các nước khác trong khu vực. Môi trường ứng dụng E-learning chủ yếu là trong các công ty lớn, các hãng sản xuất, các doanh nghiệp... và dùng để đào tạo nhân viên.

## 2. Hiện trạng E – learning tại Việt Nam:

### 1.1 Khái quát sự phát triển E – learning tại Việt Nam:

#### a. Các cơ sở giáo dục triển khai E - learning

- Ở Việt Nam, phong trào E-learning thực chất đã nhen nhóm từ những năm 90 với hàng loạt phần mềm hỗ trợ đào tạo do các công ty tin học sản xuất. Trong đó có thể kể đến là công ty Công nghệ tin học nhà trường School@Net với các sản phẩm phục vụ đào tạo trong nhà trường.
- Từ năm 2001, E – learning Việt Nam đã có bước tiến đáng kể. Mở đầu là việc thành lập một nhà trường ảo “**FIHOU CYBERSCHOOL**” đặt trên website <http://www.fithou.net.vn> và bắt đầu tuyển SV ngành CNTT của Khoa CNTT - Đại Học Mở Hà Nội. Đến năm 2005, trường có hơn **1000 SV** theo học CNTT trực tuyến, với mức học phí bằng 1/3 so với học trực tiếp. Ở khu vực phía Bắc, số SV đang học CNTT từ xa tại cơ sở đào tạo Trí Đức của trung tâm Phát Triển CNTT (thuộc ĐH Quốc Gia TP. HCM) khoảng gần **30.000 người**, trong đó hệ ĐH chiếm một nửa. **Tất cả đều học bán trực tuyến, trừ 2 lớp cao học (khoảng 50 người) là hầu như hoàn toàn học trực tuyến.** Một số đơn vị khác như Học Viện Bưu chính Viễn thông, ĐH Công Nghệ thuộc ĐH Quốc Gia Hà Nội cũng bắt đầu đào tạo trực tuyến về CNTT-VT.
- Đến tháng 11/2004, ngành GD đã xây dựng một cổng E-learning chính thức tại địa chỉ <http://el.edu.net.vn>. Sự kiện này đã tạo một cú hích đối với lĩnh vực E- learning còn khá mới mẻ tại Việt Nam. Cổng do Trung Tâm Tin Học Bộ GDĐT (TTTH) tự thiết kế trên công nghệ Web Conferencing, sử dụng mã nguồn mở. Cổng được xây dựng nhằm mục đích tuyên truyền phổ cập công nghệ, nghiên cứu thử nghiệm và tuyển chọn các phần mềm E-Learning thích hợp, đã Việt hoá phần mềm mã nguồn mở Moodle và đến nay đã có khoảng 70 trường ĐH, CĐ sử dụng. Cục CNTT sẽ tổ chức chuyển giao các phần



mềm công cụ tạo bài giảng đạt chuẩn quốc tế, phù hợp với yêu cầu Việt Nam cho các Sở.

- Hiện nay tại Bộ đã kết nối đường cáp quang **34 Mbps** trong nước và **2 Mbps** đi quốc tế. Viettel cung cấp gói Net+ (gói chất lượng cao nhất) tới các cơ sở giáo dục. Kết nối cáp quang từ Bộ về các sở giáo dục và đào tạo với băng thông **4 Mbps**. Ba bên (Cục CNTT, các Sở GDĐT và Viettel) sẽ phối hợp lên danh sách các cơ sở giáo dục khó khăn để có chính sách hỗ trợ kết nối. Các cơ sở giáo dục hưởng lợi từ dịch vụ ưu đãi này sẽ bao gồm cả các trường mầm non, mẫu giáo (các sở cung cấp PC), các trung tâm giáo dục cộng đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên, các trường dạy nghề, các phòng giáo dục.

#### **b. Toàn cảnh ứng dụng Moodle tại Việt Nam:**

Moodle tại Việt Nam được triển khai 202 sites. Qua kiểm tra khoảng 50 sites có khoảng 2/5 sites không hoạt động. Các sites hoạt động còn lại nhìn chung khá sơ sài, và mới được triển khai. Các sites này có thể chia thành 3 loại:

- Các sites của trường học:
  - Bao gồm các trường phổ thông, cao đẳng và đại học. Trong đó, đại học chiếm số đông các sites. Các trường này thường có bộ phận IT mạnh và có xu thế hướng ngoại (trường ngoài công lập, trường ngoại ngữ...).
  - Quyền truy cập các site này thường chỉ dành cho sinh viên trong trường.
  - Về thiết kế website: giao diện chưa bắt mắt. Ví dụ <http://www.coltech.vnu.edu.vn/>, website Đại học Công Nghệ - Đại học quốc gia Hà Nội .
  - Về nội dung: chưa có tương tác trực tuyến, website chủ yếu là nơi post tài liệu giảng dạy bằng file powerpoint và pdf của các giáo viên cũng như giải đáp thắc mắc của những người học. Ngoài ra, đây còn là nơi đăng các tin tức của nhà trường. Các website này chỉ có thể so sánh với nhau ở chỗ có nhiều tài liệu cung cấp cho người học hay không. Nhiều website được lập nên nhưng hầu như rất ít các nội dung như <http://www.pttc1.edu.vn/elearning/>: của trung tâm đào tạo viễn thông I.

- Site ấn tượng : <http://fit-hui.edu.vn/elearning/> của khoa công nghệ thông tin Đại học Công Nghiệp TP.HCM, <http://el.nuce.edu.vn/> của Đại học Xây dựng có nhiều thông tin, giao diện khá thu hút.
- 📍 Các sites E-learning miễn phí:
  - Các sites này bao gồm nhiều dạng cung cấp nội dung miễn phí như các sites giúp ôn tập trực tuyến về Vật lý, Toán học .
  - Site ấn tượng: <http://lophoc.thuvienvatly.info/> cung cấp nhiều bài học Vật lý cho học sinh, có thể tham gia soạn các bài giảng và một số công cụ khác, có nhiều thành viên.
- 📍 Các sites E-learning có thu phí:
  - Thường là các site đào tạo về Tin học và Ngoại ngữ.
  - Site ấn tượng: <http://www.tinhhoa.com.vn/> có sự hỗ trợ lẫn nhau giữa 3 lĩnh vực: thiết kế website, phần mềm và E-learning. Có phần học thử cho những người quan tâm và một số video giới thiệu chương trình , mỗi bài giảng tùy theo nội dung có thời lượng khác nhau, thông thường khoảng 1 tiếng. Sau mỗi bài giảng có phần quiz và test riêng để kiểm tra trình độ. Tuy nhiên website vẫn còn một số hạn chế về tính tiện lợi khi đăng ký trực tuyến các khóa học, các diễn đàn còn thừa thớt thành viên tham gia.

#### **a. Nhu cầu E – learning tại Việt Nam:**

E-learning tại Việt Nam với những bước tiến đáng kể, có sức lôi cuốn rất nhiều người học kể cả những người trước đây bị hấp dẫn bởi lối giáo dục kiểu cũ và nó rất phù hợp với hoàn cảnh của những người đang đi làm nhưng vẫn muốn nâng cao trình độ. Mặc dù vậy, nhu cầu E – learning tại Việt Nam vẫn được các chuyên gia đánh giá ở mức *tiềm năng*. Cụ thể:

- Theo khảo sát của báo Sinh viên Việt Nam – Hoa học trò cùng Global Education đối với **5.000** người (độ tuổi từ 15 – 30) tại các thành phố lớn trên cả nước, có đến **46.5%** người học cho biết kiến thức tiếng Anh của họ có được chủ yếu là được học ở trường, một môi trường đào tạo chính quy trong

hệ thống giáo dục quốc dân; tiếp đến là các trung tâm ngoại ngữ (23.7%); và có đến 11.5% người học biết ngoại ngữ chủ yếu là do tự học, tự tìm hiểu.

- Đối với những người không có điều kiện đến các lớp học trực tiếp và muốn linh động thời gian học tập, hình thức đào tạo trực tuyến trở thành lựa chọn hàng đầu. Tuy nhiên, số người lựa chọn hình thức này ở Việt Nam mới chỉ có hơn 100.000 người, chiếm 0,6% số người sử dụng Internet và 0,13% dân số.
- Tại các trường phổ thông, việc áp dụng công nghệ thông tin vào công tác dạy - học ngoại ngữ mới chỉ dừng lại ở việc sử dụng PowerPoint để trình chiếu, hay MS.Word để soạn thảo đề thi, bài tập cho học sinh. Việc sử dụng multimedia, các phần mềm học tập (giáo trình điện tử), hệ thống lưu trữ truy cập bài giảng, tài liệu giảng dạy, CD-ROM giữa các giáo viên, học sinh... còn chưa phổ biến.
- Có nhiều website E-learning đã “chết yểu”. Vài năm trước, các website ôn thi ĐH như [www.khoabang.com.vn](http://www.khoabang.com.vn), [www.truongthi.com.vn](http://www.truongthi.com.vn), [www.viettraining.com.vn](http://www.viettraining.com.vn), [www.ehocduong.com.vn](http://www.ehocduong.com.vn) từng là "hiện tượng", nhưng nay đã mất tăm. Điều này cho thấy nếu nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy không phù hợp; việc nghiên cứu nhu cầu, điều kiện, tâm lý của HV không kỹ thì đào tạo trực tuyến khó thành công.

Một số website E – learning tại Việt Nam:

**Công nghệ thông tin:**

<http://el.edu.net.vn> (Bộ GDĐT)

<http://el.edu.net.vn/lms> (Bộ GDĐT)

[www.quantrimang.com](http://www.quantrimang.com)

[www.vietphotoshop.com](http://www.vietphotoshop.com).

[www.e-ptit.edu.vn](http://www.e-ptit.edu.vn) (Học Viện BCVT)

[www.huukhang.com](http://www.huukhang.com)

[www.fithou.edu.vn](http://www.fithou.edu.vn) (Khoa CNTT, Đại Học Mở Hà Nội)

**Học ngoại ngữ:**

<http://hocngoaingu.com> hoặc <http://globaledu.com.vn>

[www.elearning.com.vn](http://www.elearning.com.vn)

[www.cleverlearn.com](http://www.cleverlearn.com)

[www.hp-vietnam.com](http://www.hp-vietnam.com)

**Các lĩnh vực khác:**

[www.ephysicsvn.com](http://www.ephysicsvn.com)

[www.issad.biz](http://www.issad.biz) (Tư vấn đào tạo từ xa chương trình quản trị kinh doanh MBA và BBA của 2 đại học ở Mỹ và Châu Âu).

[www.eduport.com.vn](http://www.eduport.com.vn) cung cấp các chương trình và dữ liệu ôn tập

[www.dbavn.com/elearning/index.php](http://www.dbavn.com/elearning/index.php) (ĐH Đà Nẵng)